

Phụ lục 01
KẾT QUẢ THI SÁT HẠCH CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN NĂM 2025
(Đính kèm Thông báo số /TB-HĐT ngày tháng 12 năm 2025 của Hội đồng thi)
Ngày thi: 06-07/12/2025

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1	LS01	Bùi Diệu Ái	16/11/1996	75,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
2	LS02	Ngô Thị Thuý An	20/07/1988	78,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
3	LS03	Nguyễn Thùy An	25/11/1988	82,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
4	LS04	Phạm Thị An	25/10/1993	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
5	LS05	Vũ Đức An	01/09/2002	76,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
6	LS06	Nguyễn Duy An	12/06/1989	81,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
7	LS07	Phạm Thị Thúy An	27/10/1992	81,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
8	LS08	Nguyễn Thị Lan Anh	10/05/1982	83,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
9	LS09	Trần Thế Anh	02/03/1997	76,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
10	LS10	Đinh Lê Quỳnh Anh	02/09/1995	81,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
11	LS11	Nguyễn Trọng Vũ Hoàng Anh	04/02/1992	80,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
12	LS12	Nguyễn Thị Kim Anh	22/05/1988	83,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
13	LS13	Nguyễn Phương Anh	12/03/2003	72,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
14	LS14	Phạm Thị Ngọc Anh	02/12/1995	83,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
15	LS15	Lê Công Anh	10/06/1996	70,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
16	LS16	Đào Thị Vân Anh	27/05/1986	73,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
17	LS17	Lương Cẩm Anh	27/01/1991	75,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
18	LS18	Nguyễn Việt Anh	24/02/1994	80,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
19	LS19	Nguyễn Phan Anh	30/06/1990	76,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
20	LS20	Nguyễn Tuấn Anh	15/09/1995	80,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
21	LS21	Phan Ngọc Tuấn Anh	14/07/1997	78,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
22	LS22	Bùi Thị Ngọc Anh	13/09/1988	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
23	LS23	Trần Thị Kỳ Anh	12/09/1990	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
24	LS24	Lê Thị Lan Anh	15/11/1987	76,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
25	LS25	Đinh Thị Minh Anh	02/11/1996	78,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
26	LS26	Đỗ Việt Anh	19/05/1996	81,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
27	LS27	Nguyễn Thế Anh	26/05/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
28	LS28	Vũ Ngọc Anh	06/03/1990	80,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
29	LS29	Lã Hùng Anh	12/02/1991	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
30	LS30	Hà Hoàng Anh	23/11/1996	76,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
31	LS31	Nguyễn Hoàng Anh	07/08/1999	80,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
32	LS32	Nguyễn Tấn Anh	19/11/1993	73,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
33	LS33	Hoàng Thế Anh	11/08/1995	76,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
34	LS34	Vương Nam Anh	08/07/1994	73,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
35	LS35	Nguyễn Thị Lan Anh	04/12/1989	75,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
36	LS36	Trần Thị Vân Anh	10/06/1997	73,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
37	LS37	Hà Thị Phương Anh	20/10/1970	82,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
38	LS38	Hoàng Ngọc Anh	06/06/1993	72,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
39	LS39	Trần Thị Lan Anh	27/12/2001	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
40	LS40	Vũ Bá Anh	21/12/1997	71,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
41	LS41	Ngô Văn Anh	10/04/1992	76,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
42	LS42	Nguyễn Thị Mai Anh	11/01/2000	73,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
43	LS43	Trần Thị Vân Anh	26/08/1976	72,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
44	LS44	Nguyễn Tuấn Anh	08/08/1991	78,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
45	LS45	Nguyễn Đức Anh	08/10/2005	77,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
46	LS46	Đặng Ngọc Tuấn Anh	23/05/1998	93,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
47	LS47	Bùi Hoàng Anh	16/02/2001	56,25	Không đạt	78,75	Đạt	Không đạt	
48	LS48	Lê Duy Anh	18/02/2002	50,00	Không đạt	82,50	Đạt	Không đạt	
49	LS49	Nguyễn Tuấn Anh	28/08/1994	55,00	Không đạt	76,25	Đạt	Không đạt	
50	LS50	Đặng Vũ Châu Anh	13/11/2001	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
51	LS51	Nguyễn Tú Anh	05/10/1994	58,75	Không đạt	82,50	Đạt	Không đạt	
52	LS52	Đỗ Tuấn Anh	02/08/1992	71,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
53	LS53	Phan Mỹ Anh	02/03/1988	58,75	Không đạt	86,25	Đạt	Không đạt	
54	LS54	Đỗ Thị Diệu Anh	01/04/2004		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
55	LS55	Đoàn Quang Anh	01/03/2006	71,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
56	LS56	Hoàng Thị Hà Anh	03/11/1993		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
57	LS57	Lê Quang Anh	05/06/1980	51,25	Không đạt	75,00	Đạt	Không đạt	
58	LS58	Hoàng Tuấn Anh	27/08/1990	75,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
59	LS59	Nguyễn Trung Ánh	03/10/1985	70,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
60	LS60	Hoàng Thị Ngọc Ánh	06/04/1998	71,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
61	LS61	Đặng Thị Ánh	11/03/1989	70,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
62	LS62	Đào Thị Ngọc Ánh	14/07/2003	77,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
63	LS63	Phan Nguyệt Ánh	25/04/1986	70,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
64	LS64	Trần Thị Ngọc Ánh	18/07/1997	78,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
65	LS65	Nguyễn Minh Ánh	10/02/2004	72,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
66	LS66	Doãn Đình Bá	23/08/1992	70,00	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
67	LS67	Vũ Văn Bắc	20/04/1984	70,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
68	LS68	Lê Thành Bắc	17/07/1965	57,50	Không đạt	82,50	Đạt	Không đạt	
69	LS69	Đinh Thị Hà Băng	31/12/2004	70,00	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
70	LS70	Nguyễn Văn Băng	24/03/1998	71,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
71	LS71	Lê Thái Bảo	01/03/1994	70,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
72	LS72	Nguyễn Thái Bảo	30/07/1995	72,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
73	LS73	Phạm Thị Bến	19/02/1984	71,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
74	LS74	Phạm Thị Ngọc Bích	11/09/2002	78,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
75	LS75	Nông Thị Bích	17/09/1997	73,75	Đạt	63,75	Không đạt	Không đạt	
76	LS76	Bùi Thị Bích	08/11/1989	70,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
77	LS77	Trương Thị Biên	01/02/1989	70,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
78	LS78	Nguyễn Thế Bình	14/10/1989	70,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
79	LS79	Nguyễn Thế Vũ Bình	24/04/1987	70,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
80	LS80	Nguyễn Quang Bình	10/12/1988	71,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
81	LS81	Nguyễn Hải Bình	28/07/1975	72,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
82	LS82	Đỗ Phú Bình	27/09/2002	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
83	LS83	Nguyễn Đăng Bình	23/07/1992	91,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
84	LS84	Nguyễn Đức Bình	16/11/1986	72,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
85	LS85	Nguyễn Đình Ca	26/02/1994	60,00	Không đạt	83,75	Đạt	Không đạt	
86	LS86	Trần Thị Cải	17/11/1996	76,25	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
87	LS87	Lê Xuân Cảnh	29/07/1990	70,00	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
88	LS88	Vũ Thị Châm	19/02/1972	70,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
89	LS89	Thái Ngọc Chân	01/02/1995	70,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
90	LS90	Nguyễn Thị Huyền Chang	07/07/1989	71,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
91	LS91	Nguyễn Thị Chanh	27/03/1988	82,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
92	LS92	Hoàng Thị Mai Chi	28/01/1995	80,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
93	LS93	Nguyễn Thị Huệ Chi	20/09/1996	82,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
94	LS94	Phùng Thị Chi	26/07/1991	73,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
95	LS95	Nguyễn Cẩm Chi	21/09/1985	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
96	LS96	Nguyễn Lan Chi	02/10/1995	81,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
97	LS97	Phạm Thị Phương Chi	09/07/1982	81,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
98	LS98	Đỗ Việt Chiến	21/10/1998	75,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
99	LS99	Lương Văn Chiến	08/05/1993	81,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
100	LS100	Nguyễn Doãn Chiến	01/03/1983	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
101	LS101	Nguyễn Đình Chiến	01/04/1996	70,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
102	LS102	Trịnh Văn Chiến	04/08/1990	76,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
103	LS103	Lê Văn Chiến	27/03/2000	70,00	Đạt	72,50	Đạt	Đạt	
104	LS104	Nguyễn Thị Tuyết Chinh	10/10/1986	76,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
105	LS105	Đặng Trung Chinh	24/04/1986	70,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
106	LS106	Chu Thị Chinh	02/08/1995	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
107	LS107	Nguyễn Thị Chinh	03/01/2007	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
108	LS108	Nguyễn Văn Chính	05/10/1989	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
109	LS109	Nguyễn Bá Chung	06/01/1995	83,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
110	LS110	Nguyễn Thành Chung	30/11/1996	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
111	LS111	Nguyễn Thành Chung	30/12/1985	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
112	LS112	Lê Văn Chuyên	01/01/1990	78,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
113	LS113	Lương Thị Hồng Chuyên	26/04/1988	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
114	LS114	Đỗ Đình Có	07/01/1990	80,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
115	LS115	Nguyễn Đức Cổ	06/01/1978	93,75	Đạt	92,75	Đạt	Đạt	
116	LS116	Ninh Thành Công	20/03/1990	80,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
117	LS117	Phạm Chí Công	08/02/1991	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
118	LS118	Trần Hồng Công	06/02/1987	70,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
119	LS119	Nguyễn Thành Công	16/07/1990	85,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
120	LS120	Bùi Đức Công	17/05/1986	58,75	Không đạt	90,00	Đạt	Không đạt	
121	LS121	Nguyễn Văn Công	15/07/1976	81,25	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
122	LS122	Nguyễn Thành Công	11/10/1999	93,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
123	LS123	Nguyễn Văn Công	10/12/1978	71,25	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
124	LS124	Lê Duy Công	25/08/2006	93,75	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
125	LS125	Nguyễn Tiến Công	24/04/1992	82,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
126	LS126	Đặng Thị Hồng Cúc	03/10/1987	93,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
127	LS127	Lại Thị Cúc	01/09/1997	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
128	LS128	Trịnh Xuân Cương	27/12/1989	70,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
129	LS129	Đặng Tiến Cương	27/06/1997	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
130	LS130	Phạm Biên Cương	19/11/1997	70,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
131	LS131	Đỗ Huy Cương	12/11/1994	81,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
132	LS132	Trịnh Quốc Cường	28/06/1990	82,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
133	LS133	Nguyễn Duy Cường	24/07/1954	80,00	Đạt	58,75	Không đạt	Không đạt	
134	LS134	Lê Văn Cường	02/03/1986	75,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
135	LS135	Lê Hùng Cường	27/04/1979	77,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
136	LS136	Đặng Tiến Cường	07/01/1983	60,00	Không đạt	81,25	Đạt	Không đạt	
137	LS137	Nguyễn Hữu Cường	27/07/1991	75,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
138	LS138	Trần Đức Cường	03/01/1995	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
139	LS139	Nguyễn Hùng Cường	04/01/1986	83,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
140	LS140	Nguyễn Xuân Cường	03/04/1991	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
141	LS141	Trần Xuân Đắc	08/02/1994	78,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
142	LS142	Đinh Trọng Đại	19/09/1977	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
143	LS143	Nguyễn Tuấn Đại	23/08/1987	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
144	LS144	Nguyễn Văn Đại	18/09/1997	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
145	LS145	Nguyễn Văn Đám	20/08/1979	82,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
146	LS146	Nguyễn Thị Đan	29/09/1990	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
147	LS147	Đặng Thị Đan	27/09/1998	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
148	LS148	Bùi Văn Đan	31/03/1988	96,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
149	LS149	Trần Hải Đăng	02/09/1989	85,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
150	LS150	Nguyễn Thế Hải Đăng	20/03/2005	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
151	LS151	Mai Văn Đạt	09/07/1987	82,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
152	LS152	Phương Năng Đạt	04/04/1990	88,75	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
153	LS153	Nguyễn Thành Đạt	30/06/1994	82,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
154	LS154	Sầm Xuân Đạt	13/10/1999	85,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
155	LS155	Lương Quốc Đạt	12/01/1998	90,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
156	LS156	Nguyễn Bá Đạt	24/06/2007	92,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
157	LS157	Dương Văn Đạt	23/11/1996	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
158	LS158	Bùi Tiến Đạt	06/10/2002		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
159	LS159	Đồng Tuấn Đạt	22/06/1983	75,00	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
160	LS160	Đoàn Tiến Đạt	18/06/1997	61,25	Không đạt	88,75	Đạt	Không đạt	
161	LS161	Nguyễn Thành Đạt	11/12/2004	78,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
162	LS162	Nguyễn Thành Đạt	02/01/1997	80,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
163	LS163	Trần Tuấn Đạt	03/12/1982	77,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
164	LS164	Đỗ Quang Dậu	17/03/1969		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
165	LS165	Nguyễn Văn Diễn	10/05/1980	77,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
166	LS166	Trần Văn Diễn	24/12/1981	71,25	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
167	LS167	Vũ Văn Điệp	19/06/1984		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
168	LS168	Hoàng Thu Điệp	27/03/1981	56,25	Không đạt	83,75	Đạt	Không đạt	
169	LS169	Trần Anh Điệp	02/11/1983	70,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
170	LS170	Vũ Huyền Diệu	29/05/2000	71,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
171	LS171	Phùng Văn Định	08/08/1993	70,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
172	LS172	Phùng Văn Định	04/04/1990	71,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
173	LS173	Dương Thị Phương Dịu	10/06/1985	86,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
174	LS174	Vũ Thị Đoàn	04/11/1983	63,75	Không đạt	88,75	Đạt	Không đạt	
175	LS175	Lương Bảo Đội	28/07/1994	70,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
176	LS176	Phạm Huy Đông	14/09/1995	77,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
177	LS177	Đỗ Thị Đông	18/12/1996	75,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
178	LS178	Bùi Duy Đồng	20/10/1997		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
179	LS179	Phạm Văn Du	12/06/1993	70,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
180	LS180	Nguyễn Văn Dữ	28/06/1986	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
181	LS181	Nguyễn Đình Duẩn	10/04/1990	78,75	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
182	LS182	Phạm Minh Đức	03/10/2002	80,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
183	LS183	Lê Trung Đức	27/08/1994	83,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
184	LS184	Phạm Văn Đức	13/08/1991	90,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
185	LS185	Lương Trung Đức	27/11/2001	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
186	LS186	Hoàng Chung Đức	17/03/1993	72,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
187	LS187	Vũ Minh Đức	16/10/1992	73,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
188	LS188	Vũ Ngọc Đức	12/02/1999	82,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
189	LS189	Đào Văn Đức	10/04/1993	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
190	LS190	Phạm Hồng Đức	15/01/1995	92,50	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
191	LS191	Nguyễn Trung Đức	04/05/1993	75,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
192	LS192	Đỗ Đại Đức	02/09/1991	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
193	LS193	Nguyễn Đình Đức	26/02/1992	78,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
194	LS194	Nguyễn Minh Đức	27/12/2005	70,00	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
195	LS195	Đỗ Minh Đức	13/03/1987	75,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
196	LS196	Nguyễn Xuân Đức	17/03/1994	91,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
197	LS197	Đinh Thị Kim Dung	18/11/1980	75,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
198	LS198	Lê Thị Dung	25/05/1989	70,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
199	LS199	Đinh Thị Dung	22/05/1995	70,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
200	LS200	Phạm Thị Thùy Dung	29/03/1998	80,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
201	LS201	Đặng Thị Dung	26/10/1993	81,25	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
202	LS202	Trương Thị Hà Dung	06/02/1990	75,00	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
203	LS203	Trần Thị Kim Dung	28/10/1986	57,50	Không đạt	85,00	Đạt	Không đạt	
204	LS204	Dương Thị Dung	28/11/1984	73,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
205	LS205	Nguyễn Thị Dung	28/06/1988	71,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
206	LS206	Bùi Quang Dũng	25/08/1988	91,25	Đạt	72,50	Đạt	Đạt	
207	LS207	Tôn Toàn Dũng	29/09/2000	60,00	Không đạt	80,00	Đạt	Không đạt	
208	LS208	Hà Anh Dũng	03/06/1988	70,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
209	LS209	Đỗ Văn Dũng	10/07/1986	60,00	Không đạt	76,25	Đạt	Không đạt	
210	LS210	Phan Tiến Dũng	22/09/1980	71,25	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
211	LS211	Lại Quốc Dũng	24/05/1978	70,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
212	LS212	Nguyễn Văn Dũng	22/12/1989	72,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
213	LS213	Hoàng Công Dũng	03/11/1991	77,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
214	LS214	Đỗ Bá Dũng	26/08/1996	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
215	LS215	Nguyễn Tiến Dũng	30/06/1985	78,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
216	LS216	Kim Ngọc Dũng	20/11/1984	77,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
217	LS217	Bùi Đức Dũng	13/05/1985	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
218	LS218	Đào Đức Dũng	06/06/1982	77,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
219	LS219	Trần Quốc Dũng	24/11/1988	75,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
220	LS220	Hồ Anh Dũng	05/07/1987	70,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
221	LS221	Nguyễn Tuấn Dũng	25/01/2005	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
222	LS222	Nguyễn Tiến Dũng	27/03/1983	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
223	LS223	Nguyễn Thị Dược	24/05/1986	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
224	LS224	Nguyễn Thành Dược	23/03/1992	78,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
225	LS225	Bùi Xuân Dương	09/06/1990	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
226	LS226	Nguyễn Bạch Dương	25/01/1983	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
227	LS227	Hoàng Đức Dương	06/07/2003		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
228	LS228	Nguyễn Hữu Dương	24/10/2000	85,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
229	LS229	Trần Thị Thuý Dương	01/01/1990	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
230	LS230	Vũ Trí Dương	26/04/1992	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
231	LS231	Phạm Thị Dương	18/05/1990	73,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
232	LS232	Lê Thị Đào Dương	29/12/1976	63,75	Không đạt	83,75	Đạt	Không đạt	
233	LS233	Nguyễn Thành Dương	17/12/1988	73,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
234	LS234	Đặng Vũ Duy	28/12/1993	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
235	LS235	Hoàng Ngọc Duy	30/08/1988	70,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
236	LS236	Bùi Khương Duy	09/05/1992	70,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
237	LS237	Phan Văn Duy	13/09/1996	77,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
238	LS238	Nguyễn Quang Duy	08/10/1987	70,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
239	LS239	Trịnh Quang Duy	01/01/2004	58,75	Không đạt	86,25	Đạt	Không đạt	
240	LS240	Trương Văn Duy	17/06/2000	77,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
241	LS241	Nguyễn Thị Duyên	10/01/1983	72,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
242	LS242	Nguyễn Thị Duyên	10/09/1988	70,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
243	LS243	Triệu Thị Duyên	04/09/1986	76,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
244	LS244	Phạm Thị Duyên	26/07/2004	80,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
245	LS245	Phạm Thị Duyên	25/02/1992	82,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
246	LS246	Thái Văn Giang	02/01/1992	73,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
247	LS247	Nguyễn Thị Giang	24/12/1993	80,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
248	LS248	Phạm Thị Hương Giang	29/09/1986	80,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
249	LS249	Ma Thị Hương Giang	10/02/1973	80,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
250	LS250	Phan Trường Giang	08/02/2003	73,75	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
251	LS251	Nguyễn Thị Giang	28/05/1984	81,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
252	LS252	Nguyễn Trường Giang	16/01/2002	76,25	Đạt	71,25	Đạt	Đạt	
253	LS253	Vũ Thị Hương Giang	19/02/1980	72,50	Đạt	73,75	Đạt	Đạt	
254	LS254	Hoàng Anh Giang	13/11/1995	72,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
255	LS255	Lê Văn Giang	15/11/1997	75,00	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
256	LS256	Nguyễn Thị Giang	01/01/1976	56,25	Không đạt	76,25	Đạt	Không đạt	
257	LS257	Trịnh Thị Thùy Giang	01/06/1994	78,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
258	LS258	Vương Văn Giáp	17/03/1987	73,75	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
259	LS259	Nguyễn Phú Giới	03/02/2002	78,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
260	LS260	Lê Ngọc Hà	14/09/1987	71,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
261	LS261	Bùi Thị Thu Hà	15/08/1999	81,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
262	LS262	Nguyễn Việt Hà	06/06/1978	72,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
263	LS263	Nguyễn Thu Hà	30/12/1995	80,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
264	LS264	Nguyễn Thị Thu Hà	08/06/1993	75,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
265	LS265	Nguyễn Thị Minh Hà	25/08/1990	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
266	LS266	Trần Thu Hà	04/10/1997	81,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
267	LS267	Vũ Thị Thu Hà	14/09/1981	80,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
268	LS268	Nguyễn Thị Thu Hà	11/01/1981	82,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
269	LS269	Vũ Thị Hà	15/06/1991	73,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
270	LS270	Nguyễn Thị Hà	06/10/1994	85,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
271	LS271	Phùng Thu Hà	09/10/1990	82,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
272	LS272	Dương Mạnh Hà	06/06/1993	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
273	LS273	Hoàng Thị Hà	12/07/1987	82,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
274	LS274	Nguyễn Thị Hồng Hà	18/04/2002	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
275	LS275	Lưu Thị Việt Hà	25/09/1995	82,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
276	LS276	Đặng Mạnh Hà	09/04/2000	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
277	LS277	Trần Thị Thu Hà	23/08/1998	83,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
278	LS278	Nguyễn Thị Thu Hà	19/12/1995	75,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
279	LS279	Nguyễn Thị Thu Hà	27/06/1994	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
280	LS280	Nguyễn Thị Khánh Hà	14/04/1993	72,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
281	LS281	Nguyễn Thị Thu Hà	04/02/1983	87,50	Đạt	73,75	Đạt	Đạt	
282	LS282	Đoàn Quang Hà	31/07/1987	81,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
283	LS283	Đào Thu Hà	22/07/1985	87,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
284	LS284	Phạm Ngọc Hải	12/02/1997	80,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
285	LS285	Trần Xuân Hải	18/06/1985	82,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
286	LS286	Tạ Văn Hải	18/12/2004	73,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
287	LS287	Phạm Văn Hải	02/08/1989	83,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
288	LS288	Nguyễn Hồng Hải	26/08/1982	75,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
289	LS289	Cao Văn Hải	21/02/1991	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
290	LS290	Vũ Đức Hải	02/11/1986	75,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
291	LS291	Lâm Văn Hải	12/05/1994	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
292	LS292	Trần Văn Hải	14/08/1989	71,25	Đạt	81,75	Đạt	Đạt	
293	LS293	Lê Văn Hải	12/09/1986	71,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
294	LS294	Ngô Tuấn Hải	13/09/1993	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
295	LS295	Trịnh Văn Hải	06/07/1989	85,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
296	LS296	Nguyễn Duy Hải	18/10/1994	70,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
297	LS297	Nguyễn Văn Hải	10/08/1991	85,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
298	LS298	Vũ Minh Hải	29/05/1990	85,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
299	LS299	Vũ Việt Hải	07/05/1993	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
300	LS300	Nguyễn Văn Hải	16/04/1997	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
301	LS301	Trần Thị Hân	04/01/1993	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
302	LS302	Nguyễn Thị Hân	10/07/1994	58,75	Không đạt	85,00	Đạt	Không đạt	
303	LS303	Vũ Thị Thuý Hằng	12/04/1993	82,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
304	LS304	Nguyễn Minh Hằng	05/10/2006	70,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
305	LS305	Dương Thị Thanh Hằng	12/11/1991	83,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
306	LS306	Trịnh Thị Hằng	28/10/1988	72,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
307	LS307	Ngô Thị Hằng	15/12/1996	80,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
308	LS308	Phạm Thị Hằng	04/12/1977	70,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
309	LS309	Hồ Thị Hằng	27/10/1965	77,50	Đạt	87,75	Đạt	Đạt	
310	LS310	Nguyễn Thị Hằng	03/01/1984	70,00	Đạt	91,50	Đạt	Đạt	
311	LS311	Phạm Thị Hằng	11/05/1981	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
312	LS312	Trần Thị La Hằng	06/07/1993	75,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
313	LS313	Bùi Thuý Hằng	20/08/2002	77,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
314	LS314	Phạm Thị Hằng	16/09/1993	72,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
315	LS315	Trần Hải Hằng	09/09/1992	83,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
316	LS316	Trần Thị Hằng	22/11/1981	71,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
317	LS317	Trần Thị Thu Hằng	28/11/1990	70,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
318	LS318	Nguyễn Xuân Hanh	17/06/1988	57,50	Không đạt	83,75	Đạt	Không đạt	
319	LS319	Nguyễn Thị Thu Hạnh	05/12/1987	78,75	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
320	LS320	Vũ Thị Hồng Hạnh	25/01/1976	71,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
321	LS321	Hoàng Thị Hạnh	18/06/1990	70,00	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
322	LS322	Nguyễn Thị Hạnh	14/12/1995	70,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
323	LS323	Vũ Thị Hạnh	18/08/1990	75,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
324	LS324	Trần Thị Hạnh	11/05/1996	70,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
325	LS325	Lê Xuân Hạnh	17/04/1989	70,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
326	LS326	Lưu Thị Hạnh	25/10/1984	70,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
327	LS327	Nguyễn Thị Hạnh	19/10/1991	71,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
328	LS328	Trịnh Thị Hạnh	07/08/1994	70,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
329	LS329	Đỗ Tuyết Hạnh	24/05/1961	78,75	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
330	LS330	Phan Hồng Hạnh	04/06/1993	71,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
331	LS331	Nguyễn Thị Hảo	04/01/1998	61,25	Không đạt	80,00	Đạt	Không đạt	
332	LS332	Phan Thị Hảo	16/09/1977	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
333	LS333	Phí Đăng Hậu	23/10/1992	63,75	Không đạt	86,25	Đạt	Không đạt	
334	LS334	Hoàng Văn Hậu	14/08/1997	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
335	LS335	Hoàng Văn Hậu	09/01/1982	80,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
336	LS336	Nguyễn Văn Hiên	12/02/1992	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
337	LS337	Tào Đức Hiến	20/12/1989	80,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
338	LS338	Lương Thị Hiến	15/08/1992	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
339	LS339	Nguyễn Thị Hiến	08/12/1997	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
340	LS340	Nguyễn Thị Thu Hiền	14/09/1987	93,75	Đạt	72,50	Đạt	Đạt	
341	LS341	Phùng Thúy Hiền	31/10/1988	80,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
342	LS342	Nguyễn Thị Hiền	20/02/1994	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
343	LS343	Nguyễn Thị Thu Hiền	08/03/1983	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
344	LS344	Lê Thanh Hiền	02/02/1982	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
345	LS345	Phạm Thị Út Hiền	12/09/1989	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
346	LS346	Đào Thị Hiền	07/08/1984	86,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
347	LS347	Nguyễn Thị Hiền	14/02/1994	86,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
348	LS348	Vũ Thị Hiền	01/09/2005	86,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
349	LS349	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/09/1979	76,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
350	LS350	Nguyễn Thu Hiền	12/06/2000	82,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
351	LS351	Nguyễn Thu Hiền	02/12/1993		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
352	LS352	Trần Ngọc Hiệp	27/07/1998	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
353	LS353	Bùi Văn Hiệp	17/10/1987	70,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
354	LS354	Triệu Hiếu	22/04/1992	81,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
355	LS355	Nguyễn Trung Hiếu	07/07/2004	75,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
356	LS356	Nguyễn Sỹ Hiếu	23/02/2002	82,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
357	LS357	Nguyễn Văn Hiếu	24/10/1989	75,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
358	LS358	Nguyễn Trung Hiếu	25/06/1986	80,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
359	LS359	Phan Thành Hiếu	08/08/1990	60,00	Không đạt	83,75	Đạt	Không đạt	
360	LS360	Nguyễn Trung Hiếu	08/11/1991	73,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
361	LS361	Vũ Minh Hiếu	07/10/2000	98,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
362	LS362	Trần Hữu Hiếu	25/08/1995	73,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
363	LS363	Lê Trung Hiếu	07/12/1988	86,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
364	LS364	Ngô Hải Hiếu	16/08/1993	73,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
365	LS365	Tổng Văn Hiếu	24/01/1992	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
366	LS366	Lê Văn Hiếu	20/05/1999	81,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
367	LS367	Phạm Văn Hiệu	07/02/1999	96,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
368	LS368	Hoàng Thị Hoa	11/02/1990	83,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
369	LS369	Vũ Thị Hoa	27/11/1984	82,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
370	LS370	Phan Thị Hoa	17/08/1986	85,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
371	LS371	Trần Thị Hoa	28/09/1986	96,25	Đạt	61,25	Không đạt	Không đạt	
372	LS372	Lý Thị Cúc Hoa	06/09/1996	75,00	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
373	LS373	Vũ Thị Mai Hoa	20/09/1990	96,25	Đạt	63,75	Không đạt	Không đạt	
374	LS374	Phạm Thị Như Hoa	06/12/1993	85,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
375	LS375	Lê Thị Hoa	29/12/1977	58,75	Không đạt	61,25	Không đạt	Không đạt	
376	LS376	Phạm Thị Hoa	09/11/1984	81,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
377	LS377	Đoàn Thị Hoa	26/05/1991	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
378	LS378	Nguyễn Thị Kim Hoa	12/02/1965		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
379	LS379	Nguyễn Văn Hoá	20/07/1960	71,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
380	LS380	Nguyễn Thuý Hoà	01/09/1975	81,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
381	LS381	Tạ Văn Hoà	15/07/1983	77,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
382	LS382	Nguyễn Thị Hoà	18/12/1990	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
383	LS383	Trần Văn Hòa	14/10/1994	78,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
384	LS384	Đào Thị Hòa	01/04/1995	83,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
385	LS385	Mạc Thanh Hòa	04/05/1986	81,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
386	LS386	Phạm Thanh Hòa	25/10/1986	80,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
387	LS387	Triệu Thị Thanh Hòa	28/10/1986	78,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
388	LS388	Trần Hữu Hoạch	27/09/1994	77,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
389	LS389	Nguyễn Thị Lương Hoài	02/11/2001	70,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
390	LS390	Nguyễn Thị Hoài	02/04/1988	75,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
391	LS391	Lương Thị Thu Hoài	21/05/1997	73,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
392	LS392	Phan Huy Hoan	08/01/1983	75,00	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
393	LS393	Nguyễn Mạnh Hoàn	09/05/1987	73,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
394	LS394	Đinh Văn Hoàng	20/07/1994	73,75	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
395	LS395	Đỗ Văn Hoàng	21/08/1999	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
396	LS396	Vũ Khắc Hoàng	25/06/1989	78,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
397	LS397	Nguyễn Như Hoàng	10/03/1988	72,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
398	LS398	Trần Minh Hoàng	01/01/1987	77,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
399	LS399	Đàm Văn Hoàng	11/12/1994	75,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
400	LS400	Ngô Ngọc Hoàng	04/04/2002	76,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
401	LS401	Lê Hoàng	15/06/1990	82,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
402	LS402	Hà Đình Hoàng	18/06/1992	77,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
403	LS403	Bùi Văn Hoàng	02/07/1993	81,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
404	LS404	Bùi Văn Hoàng	05/11/1996	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
405	LS405	Mai Thanh Hoàng	07/03/1990	96,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
406	LS406	Cung Văn Học	18/05/1994	76,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
407	LS407	Nguyễn Văn Học	23/12/1990	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
408	LS408	Nguyễn Thị Hợi	19/04/1994	76,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
409	LS409	Đỗ Ngọc Hôn	20/07/1990	80,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
410	LS410	Nguyễn Thị Hôn	12/12/1995	76,25	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
411	LS411	Trần Thị Hồng	14/04/1997	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
412	LS412	Lê Thị Hồng	05/01/1973	75,00	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
413	LS413	Nguyễn Thị Ánh Hồng	07/12/1982		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
414	LS414	Nguyễn Thị Hồng	12/07/1983	75,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
415	LS415	Nguyễn Thị Hồng	30/12/1991		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
416	LS416	Lê Thị Thuý Hồng	30/12/1970	70,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
417	LS417	Nguyễn Thuý Hồng	10/11/1994	76,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
418	LS418	Trịnh Xuân Hồng	17/10/1992	70,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
419	LS419	Phan Thị Hợp	11/06/2000	73,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
420	LS420	Vũ Đình Huân	16/09/1998	75,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
421	LS421	Bùi Thị Huế	30/03/2002	76,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
422	LS422	Ngô Thị Huế	24/09/1996	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
423	LS423	Phạm Thị Hương Huệ	07/03/1981	70,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
424	LS424	Nguyễn Thị Minh Huệ	24/10/1995	70,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
425	LS425	Nguyễn Thị Huệ	06/05/1989	76,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
426	LS426	Đào Thị Minh Huệ	01/01/1984	73,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
427	LS427	Nguyễn Thị Huệ	01/06/1987	70,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
428	LS428	Mai Thị Huệ	10/05/1993	62,50	Không đạt	88,75	Đạt	Không đạt	
429	LS429	Nguyễn Mạnh Hùng	14/10/2006	75,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
430	LS430	Hoàng Văn Hùng	09/08/2001	71,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
431	LS431	Nguyễn Văn Hùng	26/06/1985	71,25	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
432	LS432	Nguyễn Văn Hùng	28/10/1993	61,25	Không đạt	87,50	Đạt	Không đạt	
433	LS433	Nguyễn Văn Hùng	09/09/1990	70,00	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
434	LS434	Triệu Việt Hùng	05/02/1995	70,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
435	LS435	Tô Mạnh Hùng	17/06/1994	70,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
436	LS436	Lương Văn Hùng	31/07/1990	70,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
437	LS437	Nguyễn Văn Hưng	25/09/1995	72,50	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
438	LS438	Nguyễn Văn Hưng	20/09/1982	72,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
439	LS439	Sầm Tuấn Hưng	15/02/2005	73,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
440	LS440	Trần Quang Hưng	04/11/1983	70,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
441	LS441	Nguyễn Mạnh Hưng	11/01/1994	70,00	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
442	LS442	Trần Thái Hưng	08/07/1991	72,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
443	LS443	Hoàng Thị Hương	19/02/1995	72,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
444	LS444	Lê Thu Hương	30/01/2001	76,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
445	LS445	Trịnh Thị Hương	08/01/1995	70,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
446	LS446	Nguyễn Thị Thu Hương	08/02/1987	75,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
447	LS447	Bùi Thị Hương	01/12/1996	78,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
448	LS448	Bùi Thị Hương	23/12/1988		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
449	LS449	Hoàng Mai Hương	06/02/1989	70,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
450	LS450	Phan Thu Hương	22/09/1984	75,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
451	LS451	Nguyễn Thu Hương	23/03/1995	70,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
452	LS452	Nguyễn Thị Thanh Hương	13/09/1983	76,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
453	LS453	Nguyễn Thị Hương	01/09/1998	71,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
454	LS454	Nguyễn Lan Hương	16/03/1977	70,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
455	LS455	Vũ Thị Hương	10/06/1991	53,75	Không đạt	85,00	Đạt	Không đạt	
456	LS456	Lê Thị Mai Hương	12/01/1985	75,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
457	LS457	Phạm Thị Thanh Hương	30/12/1993	70,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
458	LS458	Bùi Thị Mai Hương	03/10/1988	76,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
459	LS459	Nguyễn Thu Hương	02/07/1995	71,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
460	LS460	Nguyễn Thị Hương	10/09/1963	58,75	Không đạt	90,00	Đạt	Không đạt	
461	LS461	Nguyễn Thị Lan Hương	08/04/1971	57,50	Không đạt	85,00	Đạt	Không đạt	
462	LS462	Nguyễn Thị Hương	16/05/1982	70,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
463	LS463	Đỗ Quỳnh Hương	30/06/2002	63,75	Không đạt	80,00	Đạt	Không đạt	
464	LS464	Nguyễn Thị Thu Hương	19/11/1994	78,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
465	LS465	Lê Thị Thanh Hương	28/06/1973	70,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
466	LS466	Lê Thị Hường	18/02/1984	83,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
467	LS467	Nguyễn Thị Hường	17/12/1993	72,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
468	LS468	Phạm Thị Hường	14/04/1972	82,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
469	LS469	Hoàng Thị Hường	13/01/1991	61,25	Không đạt	88,75	Đạt	Không đạt	
470	LS470	Phạm Thu Hường	29/12/1993	77,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
471	LS471	Bùi Thị Thu Hường	13/06/1998	73,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
472	LS472	Nguyễn Thị Hường	13/02/1983	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
473	LS473	Lê Văn Hường	01/12/1992	71,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
474	LS474	Cao Thu Hường	19/03/1986	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
475	LS475	Phạm Quang Huy	10/10/1991	65,00	Không đạt	87,50	Đạt	Không đạt	
476	LS476	Huỳnh Văn Huy	29/09/1997	83,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
477	LS477	Nguyễn Tuấn Huy	31/07/1993	75,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
478	LS478	Phạm Khả Huy	12/03/2003	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
479	LS479	Nguyễn Ngọc Huy	14/07/1993	71,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
480	LS480	Nguyễn Quang Huy	02/11/1985	80,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
481	LS481	Nguyễn Quang Huy	26/08/1989	81,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
482	LS482	Nguyễn Quốc Huy	16/08/1991	71,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
483	LS483	Nguyễn Thị Huyền	14/07/1988	81,25	Đạt	73,75	Đạt	Đạt	
484	LS484	Trịnh Văn Huyền	02/04/1978	37,50	Không đạt	47,50	Không đạt	Không đạt	
485	LS485	Nguyễn Thị Khánh Huyền	11/03/2003	70,00	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
486	LS486	Nguyễn Thị Huyền	16/08/1988	71,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
487	LS487	Nguyễn Thị Huyền	03/08/1983	80,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
488	LS488	Trần Thị Huyền	25/10/1994	70,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
489	LS489	Nguyễn Thị Thu Huyền	22/10/1975	80,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
490	LS490	Nguyễn Thị Thu Huyền	02/05/2002	70,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
491	LS491	Trần Thị Thu Huyền	13/07/1991	72,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
492	LS492	Nguyễn Thị Thu Huyền	21/04/1986	30,00	Không đạt	82,50	Đạt	Không đạt	
493	LS493	Mã Thu Huyền	14/08/1994	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
494	LS494	Phạm Thị Thu Huyền	08/08/1993	70,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
495	LS495	Nguyễn Thị Huyền	30/10//1985	70,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
496	LS496	Bùi Khánh Huyền	08/10/1993	73,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
497	LS497	Đoàn Thị Thanh Huyền	20/03/1981	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
498	LS498	Quách Thu Huyền	12/01/1987	70,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
499	LS499	Phạm Quang Khải	13/08/1992	78,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
500	LS500	Tổng Văn Khải	16/11/1994	70,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
501	LS501	Ngô Đức Khánh	26/10/1993	81,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
502	LS502	Lê Thị Kim Khánh	13/08/1981		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
503	LS503	Bế Ngọc Khánh	03/07/1990	75,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
504	LS504	Vũ Anh Khiêm	12/05/1978	70,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
505	LS505	Nguyễn Viết Khiêm	24/03/1982	73,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
506	LS506	Nguyễn Thế Khoa	04/03/1982	52,50	Không đạt	77,50	Đạt	Không đạt	
507	LS507	Lê Minh Khôi	06/02/1984	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
508	LS508	Nguyễn Văn Khu	29/03/1990	70,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
509	LS509	Hoàng Ngọc Khuê	04/10/1987	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
510	LS510	Nguyễn Ngọc Khương	02/12/1982	77,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
511	LS511	Trần Thị Khuyên	06/02/1987	71,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
512	LS512	Phạm Khắc Kiên	14/01/1984	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
513	LS513	Lương Quang Kiên	31/10/2002	76,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
514	LS514	Hoàng Trung Kiên	22/05/1994	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
515	LS515	Nguyễn Trung Kiên	19/02/1982	71,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
516	LS516	Lành Trung Kiên	04/12/1983	80,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
517	LS517	Đoàn Thị Kiều	17/10/1987	76,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
518	LS518	Tạ Thị Là	05/02/1986	73,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
519	LS519	Vũ Hồng Lâm	14/08/1990	77,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
520	LS520	Ngô Tùng Lâm	30/03/1987	77,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
521	LS521	Nguyễn Tùng Lâm	05/05/1995	83,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
522	LS522	Phạm Tùng Lâm	18/05/1995	76,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
523	LS523	Tô Hiến Tùng Lâm	07/10/1997	71,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
524	LS524	Triệu Thị Mai Lan	07/11/1979	71,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
525	LS525	Nguyễn Phương Lan	01/03/1984	81,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
526	LS526	Trương Thị Lan	17/09/1988	77,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
527	LS527	Trần Phương Lan	22/08/1984	85,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
528	LS528	Trần Thị Phương Lan	22/10/1986	75,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
529	LS529	Đỗ Thị Lan	01/03/1982	71,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
530	LS530	Nguyễn Thị Lành	16/12/1992	70,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
531	LS531	Lê Thị Lành	27/05/1991	85,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
532	LS532	Đặng Quốc Lập	20/09/1984	70,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
533	LS533	Hà Thị Hồng Lê	20/07/1992	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
534	LS534	Nguyễn Thị Lệ	10/08/1996	75,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
535	LS535	Nguyễn Thị Lịch	18/12/1997	72,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
536	LS536	Nguyễn Thị Thanh Lịch	23/12/1986	73,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
537	LS537	Đàm Thị Liên	22/02/1980	87,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
538	LS538	Nguyễn Thị Liên	03/06/1993	73,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
539	LS539	Trần Thị Phương Liên	03/01/1987	86,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
540	LS540	Nguyễn Thị Liên	22/02/1986	55,00	Không đạt	81,25	Đạt	Không đạt	
541	LS541	Phùng Thị Liên	18/08/1992	81,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
542	LS542	Nguyễn Thị Liên	08/08/1986	71,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
543	LS543	Vũ Thị Kim Liên	28/08/1992	70,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
544	LS544	Hoàng Thị Linh	17/10/1996	71,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
545	LS545	Trịnh Diệu Linh	07/03/1983	70,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
546	LS546	Nguyễn Thị Phương Linh	08/07/1989	78,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
547	LS547	Nguyễn Thị Thuý Linh	19/09/1988	70,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
548	LS548	Lỗ Diệu Linh	23/08/1994	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
549	LS549	Nguyễn Thị Cẩm Linh	02/03/1995	78,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
550	LS550	Nguyễn Quang Linh	23/11/1998	77,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
551	LS551	Hoàng Thùy Linh	17/12/1991	76,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
552	LS552	Phạm Đặng Thùy Linh	24/12/1997	76,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
553	LS553	Phạm Đặng Tuấn Linh	28/09/2003	73,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
554	LS554	Đào Khánh Linh	17/11/2003	78,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
555	LS555	Nguyễn Khánh Linh	13/10/2005	78,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
556	LS556	Cần Văn Linh	17/06/1988	58,75	Không đạt	86,25	Đạt	Không đạt	
557	LS557	Nguyễn Thị Linh	22/09/1996	70,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
558	LS558	Nguyễn Phương Linh	08/04/1984	60,00	Không đạt	97,50	Đạt	Không đạt	
559	LS559	Vũ Ngọc Linh	21/10/1986	70,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
560	LS560	Đoàn Vũ Diệu Linh	06/09/2001	82,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
561	LS561	Nguyễn Thị Thuý Linh	14/05/1982	83,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
562	LS562	Nguyễn Thuý Linh	12/04/1987	75,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
563	LS563	Trần Thị Thùy Linh	02/02/1998	80,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
564	LS564	Mai Ngọc Linh	27/11/1995	75,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
565	LS565	Trương Nhật Linh	27/06/1992	72,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
566	LS566	Trần Thị Thuý Linh	27/03/1989	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
567	LS567	Bùi Nhật Linh	17/12/1987		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
568	LS568	Nguyễn Duy Linh	15/05/2002	70,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
569	LS569	Nguyễn Thị Thuý Linh	12/05/2004	72,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
570	LS570	Nguyễn Gia Linh	06/07/2003	63,75	Không đạt	83,75	Đạt	Không đạt	
571	LS571	Hoàng Thị Linh	02/08/1995	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
572	LS572	Lê Thị Ngọc Linh	08/08/2005	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
573	LS573	Nguyễn Khắc Linh	20/09/1987	83,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
574	LS574	Nguyễn Ngọc Linh	12/07/1995	93,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
575	LS575	Nguyễn Thị Loan	30/04/1989	80,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
576	LS576	Nguyễn Thị Loan	12/12/1996	92,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
577	LS577	Nguyễn Thị Loan	06/09/2002	80,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
578	LS578	Đinh Thị Loan	21/02/1991	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
579	LS579	Phạm Thị Loan	24/12/1971	77,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
580	LS580	Nguyễn Xuân Lộc	19/12/2004	78,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
581	LS581	Đỗ Văn Lộc	24/09/1995	78,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
582	LS582	Nguyễn Văn Lợi	17/02/1984	81,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
583	LS583	Vũ Văn Lợi	02/04/1991	76,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
584	LS584	Nguyễn Viết Lợi	07/08/1970	82,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
585	LS585	Nguyễn Thành Long	12/06/2004	76,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
586	LS586	Nguyễn Minh Long	03/05/1988	86,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
587	LS587	Phùng Bảo Long	23/02/2006	58,75	Không đạt	80,00	Đạt	Không đạt	
588	LS588	Đỗ Hữu Long	11/10/2000	76,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
589	LS589	Nguyễn Quỳnh Long	17/02/1989	60,00	Không đạt	76,25	Đạt	Không đạt	
590	LS590	Nguyễn Thành Long	08/07/1987	76,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
591	LS591	Nguyễn Đức Long	26/10/1990	75,00	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
592	LS592	Vũ Xuân Long	22/11/2000	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
593	LS593	Doãn Hoàng Long	03/06/2000	62,50	Không đạt	80,00	Đạt	Không đạt	
594	LS594	Huỳnh Văn Long	24/10/1960	60,00	Không đạt	75,00	Đạt	Không đạt	
595	LS595	Vương Thị Lụa	27/07/1989	78,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
596	LS596	Vũ Thành Luân	15/04/1987	70,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
597	LS597	Nguyễn Thành Luân	14/09/1992	78,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
598	LS598	Tạ Xuân Lụa	13/03/1983	78,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
599	LS599	Trần Văn Lụa	01/11/1987	80,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
600	LS600	Nguyễn Xuân Lương	06/02/1972	65,00	Không đạt	82,50	Đạt	Không đạt	
601	LS601	Hà Văn Lương	23/05/1994	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
602	LS602	Lê Đình Lương	11/11/2003	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
603	LS603	Phạm Gia Lương	09/03/1993	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
604	LS604	Vũ Hiền Lương	16/05/1983	92,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
605	LS605	Nguyễn Văn Lượ	10/09/1978	96,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
606	LS606	Phạm Văn Lượng	12/02/1993	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
607	LS607	Viên Đình Lưu	28/03/2003	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
608	LS608	Lê Thị Luyến	04/09/1998	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
609	LS609	Nguyễn Tú Ly	05/10/2005	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
610	LS610	Nguyễn Khánh Ly	12/03/1984	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
611	LS611	Nguyễn Thị Mai	25/02/1992	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
612	LS612	Lê Thị Thanh Mai	19/08/1987	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
613	LS613	Nguyễn Quỳnh Mai	12/08/1993		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
614	LS614	Nguyễn Thị Mai	08/10/1988	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
615	LS615	Lê Thị Thanh Mai	11/02/1980	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
616	LS616	Trịnh Thị Hồng Mai	08/07/1994	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
617	LS617	Phạm Tuyết Mai	23/11/1991	88,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
618	LS618	Trần Thị Ngọc Mai	05/08/1998		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
619	LS619	Nguyễn Văn Mạnh	20/02/1989	88,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
620	LS620	Nguyễn Tiến Mạnh	26/12/1993	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
621	LS621	Hoàng Nghĩa Mạnh	26/04/1994	88,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
622	LS622	Đỗ Văn Mạnh	07/02/1992	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
623	LS623	Nguyễn Mậu Mạnh	06/01/2006	91,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
624	LS624	Lê Đức Mạnh	30/03/1994	85,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
625	LS625	Nguyễn Lê Hồng Mạnh	01/10/2004	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
626	LS626	Nguyễn Kế Mạnh	28/10/1986	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
627	LS627	Vương Văn Mạnh	20/09/1990	83,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
628	LS628	Đồng Văn Mạnh	13/10/1993	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
629	LS629	Nguyễn Đức Mậu	17/09/1958		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
630	LS630	Lê Văn May	20/09/1987	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
631	LS631	Đào Thị Mây	17/03/1985	92,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
632	LS632	Nguyễn Bảo Minh	13/11/1996	93,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
633	LS633	Nguyễn Ngọc Minh	20/05/1973	81,25	Đạt	73,75	Đạt	Đạt	
634	LS634	Phạm Công Minh	07/05/1997	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
635	LS635	Hoàng Công Minh	09/09/2000		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
636	LS636	Nguyễn Thị Minh	03/04/1991	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
637	LS637	Nguyễn Hữu Cường Minh	06/02/1994	91,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
638	LS638	Đào Trọng Minh	06/01/1993	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
639	LS639	Vương Thị Minh	05/01/1988	93,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
640	LS640	Đỗ Quang Minh	23/07/1977	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
641	LS641	Nguyễn Đức Minh	13/11/1999	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
642	LS642	Trần Thị Trà My	25/03/1977		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
643	LS643	Hà Sa My	06/06/1985	85,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
644	LS644	Phạm Ánh Huyền My	27/07/2004	71,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
645	LS645	Phan Nguyễn Nhi Na	19/11/2004	85,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
646	LS646	Vũ Hoàng Nam	31/07/1991	82,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
647	LS647	Nguyễn Văn Nam	18/10/1992	87,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
648	LS648	Nguyễn Ngọc Nam	05/12/1998	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
649	LS649	Cần Xuân Nam	27/08/1993	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
650	LS650	Cao Hồng Nam	12/04/1987	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
651	LS651	Vũ Thành Nam	07/11/1999	85,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
652	LS652	Đinh Hoài Nam	17/06/1999	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
653	LS653	Nguyễn Văn Nam	01/08/1995	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
654	LS654	Nguyễn Thành Nam	22/09/1992	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
655	LS655	Nguyễn Hữu Nam	14/07/1993	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
656	LS656	Nguyễn Phi Nam	19/11/1976	76,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
657	LS657	Nguyễn Thị Hằng Nga	04/03/1992	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
658	LS658	Nguyễn Thị Nga	08/05/1991	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
659	LS659	Kim Thị Nga	05/03/1984	91,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
660	LS660	Âu Thuý Nga	17/10/1987	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
661	LS661	Giàng Thị Nga	27/06/1991	80,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
662	LS662	Nguyễn Thị Nga	24/05/1991	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
663	LS663	Nguyễn Thị Nga	30/10/1990	85,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
664	LS664	Đinh Thị Thu Nga	05/05/1972	77,50	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
665	LS665	Nguyễn Thị Nga	05/02/1994	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
666	LS666	Phan Thị Hằng Nga	25/07/1985	81,25	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
667	LS667	Đặng Thị Thanh Nga	24/01/1990	77,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
668	LS668	Trần Thị Ngà	08/09/1987	76,25	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
669	LS669	Mai Thiên Kim Ngân	17/02/2002	85,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
670	LS670	Phan Thị Ngân	22/07/1996	85,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
671	LS671	Đoàn Thị Ngân	29/09/1974	86,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
672	LS672	Nguyễn Thị Kim Ngân	26/03/1984	76,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
673	LS673	Phạm Thị Ngân	25/08/1994	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
674	LS674	Hoàng Thị Ngân	29/05/1978	81,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
675	LS675	Nguyễn Thúy Ngân	26/01/1992	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
676	LS676	Phạm Thị Hồng Ngân	27/03/1992	72,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
677	LS677	Phan Thị Ngân	11/05/1992	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
678	LS678	Nguyễn Văn Nghĩa	22/07/1991	65,00	Không đạt	83,75	Đạt	Không đạt	
679	LS679	Cồ Duy Nghiệp	19/09/1969	83,75	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
680	LS680	Trần Xuân Ngọc	20/04/1991	70,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
681	LS681	Nguyễn Minh Ngọc	22/02/2003	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
682	LS682	Nguyễn Hồng Ngọc	17/09/1996	88,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
683	LS683	Đỗ Như Ngọc	08/10/1989	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
684	LS684	Đào Thị Ngọc	26/12/1996	82,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
685	LS685	Phạm Thị Ngọc	10/02/1990	86,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
686	LS686	Bùi Thị Ngọc	24/04/1993	85,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
687	LS687	Nguyễn Bích Ngọc	16/10/1983	73,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
688	LS688	Hoàng Thị Ngọc	14/01/1997	78,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
689	LS689	Bạch Thị Minh Ngọc	02/02/1990	71,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
690	LS690	Nguyễn Hải Ngọc	22/09/1975	81,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
691	LS691	Hoàng Văn Ngụy	24/09/1993	76,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
692	LS692	Trần Thị Nguyên	10/07/1999	82,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
693	LS693	Hoàng Công Nguyên	24/07/1992	78,75	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
694	LS694	Trần Sỹ Nguyên	25/12/1988	81,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
695	LS695	Nguyễn Văn Nguyên	28/01/1962	65,00	Không đạt	86,25	Đạt	Không đạt	
696	LS696	Phạm Thị Nguyệt	14/01/1993	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
697	LS697	Nguyễn Thị Nguyệt	13/06/1992	81,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
698	LS698	Đinh Thị Nguyệt	01/07/1988	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
699	LS699	Trần Thị Minh Nguyệt	13/06/1979	70,00	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
700	LS700	Lê Thị Nguyệt	03/07/1987	71,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
701	LS701	Đỗ Xuân Nha	27/08/1987	83,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
702	LS702	Nguyễn Thị Phương Nhã	25/01/1999	80,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
703	LS703	Vy Thị May Nhâm	08/08/1991	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
704	LS704	Trần Đức Nhân	23/11/1995	87,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
705	LS705	Bùi Quang Nhất	01/10/1997	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
706	LS706	Nguyễn Công Nhật	16/12/1984	76,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
707	LS707	Đoàn Thị Yến Nhi	20/12/2000	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
708	LS708	Vũ Thị Nhi	17/07/1971	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
709	LS709	Đỗ Văn Ninh	24/11/1989	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
710	LS710	Nguyễn Thị Nhũ	01/07/1979	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
711	LS711	Bùi Tổ Như	10/04/1991	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
712	LS712	Lương Thị Hồng Nhung	03/02/1991	78,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
713	LS713	Đặng Thị Hồng Nhung	26/09/1993	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
714	LS714	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	16/12/1987	78,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
715	LS715	Nguyễn Thị Nhung	10/01/1988	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
716	LS716	Phạm Thị Nhung	15/08/1992	78,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
717	LS717	Tạ Hồng Nhung	14/04/2000	85,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
718	LS718	Tạ Thị Tuyết Nhung	13/09/1992	78,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
719	LS719	Lương Thị Nhung	21/02/1989	85,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
720	LS720	Bùi Thị Nhung	15/11/1983	77,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
721	LS721	Đoàn Thị Hồng Nhung	18/03/2001	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
722	LS722	Đoàn Thị Nhung	15/09/1992	88,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
723	LS723	Vũ Thị Nhung	23/08/1992	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
724	LS724	Đinh Thị Tuyết Nhung	06/05/1973	85,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
725	LS725	Lê Thị Nhung	12/07/1992	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
726	LS726	Phạm Thị Thanh Niên	08/08/2003	87,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
727	LS727	Vũ Thị Ninh	05/04/1986	90,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
728	LS728	Bùi Xuân Ninh	08/05/1999	80,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
729	LS729	Hồ Sĩ Ninh	05/07/1976	82,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
730	LS730	Nông Chí Ninh	25/10/1986	85,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
731	LS731	Phí Thị Nụ	19/08/1989	85,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
732	LS732	Hoàng Thị Nụ	01/01/1977	72,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
733	LS733	Nguyễn Thị Nụ	27/08/1989	93,75	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
734	LS734	Hoàng Văn Oai	28/08/1988	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
735	LS735	Nguyễn Thị Oanh	28/04/1990	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
736	LS736	Trần Thị Kim Oanh	13/10/1989	87,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
737	LS737	Nguyễn Văn Oanh	02/11/1983	95,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
738	LS738	Nguyễn Thị Oanh	10/08/1992	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
739	LS739	Nguyễn Thị Kiều Oanh	12/02/1991	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
740	LS740	Nguyễn Ngọc Phẩm	05/07/1977	90,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
741	LS741	Nguyễn Quang Phát	19/07/1985	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
742	LS742	Nguyễn Văn Phi	06/08/1999	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
743	LS743	Lê Hồng Phong	12/03/1995	92,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
744	LS744	Lê Quốc Phong	15/08/2006	87,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
745	LS745	Nghiêm Văn Phong	03/10/1988	85,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
746	LS746	Phạm Thị Phòng	01/01/1967	86,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
747	LS747	Nguyễn Xuân Phú	05/08/2002	85,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
748	LS748	Mai Xuân Phú	22/12/1989	86,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
749	LS749	Nguyễn Văn Phú	15/06/1992	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
750	LS750	Nguyễn Bá Phú	16/03/1983	85,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
751	LS751	Nguyễn Hồng Phúc	21/02/2006	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
752	LS752	Đỗ Quang Phúc	13/02/1981	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
753	LS753	Tô Ngọc Phúc	10/09/1997	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
754	LS754	Nguyễn Tiến Phúc	12/12/1992	80,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
755	LS755	Nguyễn Hữu Phúc	02/01/1997	82,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
756	LS756	Tạ Minh Phụng	27/06/1991	81,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
757	LS757	Nguyễn Thị Thu Phương	30/08/1989	82,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
758	LS758	Bùi Thanh Phương	16/08/1995	83,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
759	LS759	Phạm Thị Phương	06/03/1989	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
760	LS760	Lương Anh Phương	23/05/1990	91,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
761	LS761	Nguyễn Minh Phương	20/03/1983	78,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
762	LS762	Triệu Thị Phương	28/11/1988	88,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
763	LS763	Bùi Thu Phương	06/09/1986	78,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
764	LS764	Nguyễn Thị Phương	03/08/1991	90,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
765	LS765	Nguyễn Thu Phương	06/03/1986	80,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
766	LS766	Trần Thị Phương	12/10/1995	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
767	LS767	Hồ Thanh Phương	02/12/1993	90,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
768	LS768	Nguyễn Ngọc Phương	23/09/1994	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
769	LS769	Ngô Thị Phương	24/04/1988	86,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
770	LS770	Đặng Thị Phương	12/11/1981	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
771	LS771	Vũ Thị Kim Phương	10/04/1990	90,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
772	LS772	Dương Thị Phương	25/03/1996	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
773	LS773	Nguyễn Thị Phương	04/01/1992	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
774	LS774	Vũ Thị Phương	06/06/1978	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
775	LS775	Dương Viết Quân	18/07/1987	83,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
776	LS776	Vũ Hồng Minh Quân	01/01/2005	92,70	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
777	LS777	Chu Văn Quân	15/02/1994	91,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
778	LS778	Lưu Danh Quân	27/09/1997	92,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
779	LS779	Trần Văn Quân	20/11/1988	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
780	LS780	Đặng Hữu Quân	13/03/1991	93,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
781	LS781	Đỗ Tiến Quân	04/12/1989	87,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
782	LS782	Nguyễn Văn Quận	28/05/1995	83,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
783	LS783	Nguyễn Xuân Quang	28/04/1995	88,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
784	LS784	Đinh Hồng Quang	23/08/1993	80,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
785	LS785	Hoàng Minh Quang	01/09/1991	80,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
786	LS786	Đồng Xuân Quảng	11/04/1980	92,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
787	LS787	Nguyễn Văn Quảng	12/01/1988	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
788	LS788	Đỗ Văn Quế	22/11/1999	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
789	LS789	Ngô Đức Quốc	17/10/1992		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
790	LS790	Lưu Thị Quý	12/05/1986	77,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
791	LS791	Đỗ Thị Quý	05/08/1985	72,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
792	LS792	Trần Thị Ngọc Quyên	24/11/1987	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
793	LS793	Phạm Thị Lệ Quyên	14/07/1981	71,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
794	LS794	Hồ Thị Lệ Quyên	16/08/1979	77,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
795	LS795	Trương Thị Lệ Quyên	29/08/1983	81,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
796	LS796	Nguyễn Thị Quyên	09/03/1991	88,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
797	LS797	Phạm Văn Quyền	31/12/2000	76,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
798	LS798	Lê Yến Quỳnh	21/10/2001	82,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
799	LS799	Nguyễn Thị Quỳnh	08/05/1993	77,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
800	LS800	Đỗ Thị Như Quỳnh	07/12/1991	80,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
801	LS801	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	08/02/1991	86,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
802	LS802	Trần Ngô Nhật Quỳnh	01/02/1996	86,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
803	LS803	Bùi Như Quỳnh	18/07/2003	78,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
804	LS804	Tô Thị Quỳnh	20/08/1990	82,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
805	LS805	Lê Thị Đức Sâm	24/07/1980	71,25	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
806	LS806	Bùi Văn San	25/02/1992	80,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
807	LS807	Nguyễn Hoàng Sáng	10/11/1990	83,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
808	LS808	Nguyễn Văn Sinh	24/10/1995	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
809	LS809	Trịnh Ngọc Sơn	20/09/1993	81,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
810	LS810	Nguyễn Thành Sơn	08/06/1995	78,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
811	LS811	Bùi Hồng Sơn	10/07/1998		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
812	LS812	Nguyễn Văn Sơn	04/05/1989	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
813	LS813	Đàm Thái Sơn	14/04/1988	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
814	LS814	Trần Ngọc Sơn	18/01/1990	80,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
815	LS815	Hà Ngọc Sơn	13/08/1997	87,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
816	LS816	Đặng Đình Sơn	21/02/1997	76,25	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
817	LS817	Trần Thanh Sơn	14/05/1992	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
818	LS818	Nguyễn Thị Sơn	26/06/1978	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
819	LS819	Trương Hùng Sơn	24/06/1978	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
820	LS820	Nguyễn Thị Sự	21/11/1992	75,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
821	LS821	Nguyễn Đức Dũng Sỹ	05/01/2000	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
822	LS822	Nguyễn Trọng Tài	18/12/1986	80,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
823	LS823	Lê Tuấn Tài	25/10/1978	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
824	LS824	Nguyễn Như Tám	08/03/1977	81,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
825	LS825	Lưu Thị Tám	06/05/1986	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
826	LS826	Vũ Thị Tâm	12/02/1972	85,00	Đạt	72,50	Đạt	Đạt	
827	LS827	Lê Kim Tâm	11/02/1986	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
828	LS828	Phạm Thị Tâm	08/08/1999	73,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
829	LS829	Lưu Đức Tâm	30/09/1986	92,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
830	LS830	Cao Nguyễn Thanh Tâm	07/12/2003	83,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
831	LS831	Đỗ Đình Tâm	09/04/1991	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
832	LS832	Vũ Duy Tân	05/10/1991	83,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
833	LS833	Nguyễn Đức Tân	13/09/1989	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
834	LS834	Nguyễn Đức Tân	19/08/1988	87,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
835	LS835	Bùi Văn Tân	28/09/1984	83,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
836	LS836	Vũ Thị Hồng Tân	08/04/1993	82,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
837	LS837	Hà Văn Tân	07/02/1989	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
838	LS838	Nguyễn Thừa Tăng	10/11/1987	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
839	LS839	Ma Thị Tập	11/08/1999	77,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
840	LS840	Hoàng Văn Tây	09/12/1992	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
841	LS841	Tạ Văn Thái	26/07/2007	70,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
842	LS842	Phạm Ngọc Thái	14/03/1995	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
843	LS843	Bùi Duy Thái	14/07/2003	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
844	LS844	Nguyễn Vĩnh Thái	22/12/1990	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
845	LS845	Nguyễn Văn Thái	30/11/1989	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
846	LS846	Trịnh Ngọc Thái	28/07/1987	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
847	LS847	Dương Thị Thắm	24/01/1990	87,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
848	LS848	Vũ Thị Thắm	17/04/1974	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
849	LS849	Nguyễn Thị Thắm	10/05/1994	92,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
850	LS850	Bùi Thị Thắm	20/12/1995	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
851	LS851	Trần Văn Thắng	30/10/1997	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
852	LS852	Lê Quốc Thắng	19/09/1988	87,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
853	LS853	Trịnh Văn Thắng	23/06/1987	91,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
854	LS854	Đinh Thế Thắng	28/10/1996	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
855	LS855	Đặng Ngọc Thắng	01/08/1991	81,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
856	LS856	Đặng Văn Thắng	17/11/1988	87,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
857	LS857	Nguyễn Văn Thắng	25/07/1988	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
858	LS858	Nguyễn Mạnh Thắng	28/09/1990	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
859	LS859	Lương Văn Thắng	15/11/1994	85,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
860	LS860	Nguyễn Văn Thắng	28/10/1988	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
861	LS861	Đỗ Việt Thắng	06/08/1968	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
862	LS862	Linh Trọng Thắng	26/06/1985	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
863	LS863	Võ Toàn Thắng	20/01/1973	80,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
864	LS864	Hồ Mỹ Thanh	24/04/1980	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
865	LS865	Bùi Khắc Thanh	10/08/1990	86,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
866	LS866	Khuất Trần Thanh	04/01/1989	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
867	LS867	Nguyễn Đức Thanh	28/12/1993	86,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
868	LS868	Đào Thị Thanh	31/01/2006	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
869	LS869	Lê Thị Thanh	28/01/2004	85,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
870	LS870	Lương Công Thanh	10/06/1981	88,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
871	LS871	Nguyễn Thị Thanh	02/10/1993	80,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
872	LS872	Phạm Thị Thanh	14/01/1995	78,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
873	LS873	Trần Thị Thanh	10/12/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
874	LS874	Đỗ Thị Mai Thanh	08/02/1989	85,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
875	LS875	Tạ Huyền Thanh	05/12/1997	87,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
876	LS876	Nông Thị Thanh	16/04/1988	71,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
877	LS877	Nguyễn Thị Thanh	13/09/1976	83,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
878	LS878	Vũ Chí Thành	30/04/1986	83,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
879	LS879	Trần Nhật Thành	17/10/1989	82,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
880	LS880	Nguyễn Văn Thành	08/08/1992	80,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
881	LS881	Xa Quý Thành	08/02/1994	83,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
882	LS882	Nguyễn Ngọc Thành	17/05/1984	70,00	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
883	LS883	Phạm Văn Thành	24/07/1987	70,00	Đạt	73,75	Đạt	Đạt	
884	LS884	Nguyễn Cao Thành	22/03/1992	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
885	LS885	Chu Tuấn Thành	23/01/1998	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
886	LS886	Nguyễn Thị Thảo	01/06/1980	76,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
887	LS887	Hoàng Phương Thảo	21/01/1991	80,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
888	LS888	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/09/1987	76,25	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
889	LS889	Hoàng Văn Thảo	20/04/1997	72,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
890	LS890	Lài Thị Thảo	25/12/1995	90,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
891	LS891	Hoàng Minh Thảo	14/10/1998	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
892	LS892	Bùi Thị Phương Thảo	18/08/1999	82,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
893	LS893	Nguyễn Phương Thảo	21/09/1990	73,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
894	LS894	Phan Thạch Thảo	19/06/1998	90,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
895	LS895	Phạm Thị Thu Thảo	25/04/1999	82,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
896	LS896	Nguyễn Thị Thảo	19/08/1996	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
897	LS897	Vũ Thị Thảo	06/06/1982	77,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
898	LS898	Nguyễn Công Thi	07/08/1985	76,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
899	LS899	Nguyễn Văn Thích	17/01/1984	81,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
900	LS900	Lê Văn Thiêm	06/11/1985	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
901	LS901	Chu Đức Thiện	31/10/2000	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
902	LS902	Dương Văn Thiện	18/08/1983	77,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
903	LS903	Nguyễn Đức Thiện	03/04/1993	80,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
904	LS904	Phạm Út Thiện	24/03/1983	75,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
905	LS905	Trần Hữu Thiện	24/12/1999	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
906	LS906	Lê Văn Thìn	18/10/1990	76,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
907	LS907	Nguyễn Đức Thịnh	29/07/1990	97,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
908	LS908	Nguyễn Đức Thịnh	14/04/1995		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
909	LS909	Nguyễn Đức Thịnh	20/10/1997	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
910	LS910	Trần Thị Thịnh	19/08/1985	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
911	LS911	Nguyễn Thị Tho	10/08/1990	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
912	LS912	Lê Thị Thom	04/01/1983	82,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
913	LS913	Phạm Thị Thom	25/12/1970	92,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
914	LS914	Nguyễn Thị Thu	20/09/1970	82,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
915	LS915	Vũ Thị Thu	04/10/1988	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
916	LS916	Nguyễn Thị Thu	24/12/1990	90,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
917	LS917	Nguyễn Thị Hoài Thu	01/09/1998	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
918	LS918	Mai Thị Thu	04/08/1985	82,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
919	LS919	Nguyễn Thị Thu	06/12/1986	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
920	LS920	Bùi Thị Thu	17/05/1977	75,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
921	LS921	Nguyễn Thị Thu	12/04/1994	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
922	LS922	Nguyễn Thị Thu	22/08/1991	83,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
923	LS923	Phan Tiến Thu	24/12/1974	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
924	LS924	Bùi Thị Thu	17/02/1987	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
925	LS925	Trần Minh Thuận	21/12/1986	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
926	LS926	Nguyễn Văn Thuận	07/09/1985	82,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
927	LS927	Mai Ngọc Thuận	18/04/1994	81,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
928	LS928	Hà Công Thuận	27/07/1987	77,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
929	LS929	Nguyễn Văn Thuật	10/11/1998	73,75	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
930	LS930	Nguyễn Hữu Thúc	25/04/1990	80,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
931	LS931	Lỗ Hoài Thương	26/07/1992	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
932	LS932	Ngô Xuân Thương	02/01/1987	77,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
933	LS933	Hà Thị Thương	01/07/1995	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
934	LS934	Mai Thị Thương	09/09/1994	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
935	LS935	Đỗ Văn Thương	07/10/1983	88,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
936	LS936	Hoàng Thị Thuý	10/11/1990	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
937	LS937	Lưu Biên Thuý	17/01/1990	85,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
938	LS938	Đàm Long Thuý	11/01/1986	77,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
939	LS939	Trần Lê Thuý	02/10/1987	85,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
940	LS940	Nguyễn Mạnh Thuý	01/11/1982	80,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
941	LS941	Nguyễn Xuân Thuý	23/09/1992	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
942	LS942	Trần Thị Thu Thuý	12/11/1973	77,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
943	LS943	Nguyễn Thị Thu Thuý	01/06/1988	83,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
944	LS944	Hà Thị Thuý	10/07/1973	75,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
945	LS945	Vũ Thị Thuý	20/10/1983	78,75	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
946	LS946	Nguyễn Thanh Thuý	25/11/2002		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
947	LS947	Nguyễn Thị Thu Thuý	04/08/1990	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
948	LS948	Lê Thị Thuỷ	06/09/1987	81,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
949	LS949	Nguyễn Thị Thuỷ	16/09/1993	78,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
950	LS950	Nguyễn Thị Thuỷ	08/04/1993	86,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
951	LS951	Hoàng Thị Thuỷ	23/02/1983	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
952	LS952	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	26/07/1989	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
953	LS953	Phan Thị Thúy	02/02/1986	83,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
954	LS954	Nguyễn Phương Thúy	14/08/1982	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
955	LS955	Tiêu Kim Thúy	15/06/1995	86,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
956	LS956	Nguyễn Thị Thúy	16/09/1990	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
957	LS957	Nguyễn Thị Thúy	22/04/1982	71,25	Đạt	72,50	Đạt	Đạt	
958	LS958	Lành Lê Thùy	09/11/1995	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
959	LS959	Nguyễn Thị Thùy	29/08/1990	87,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
960	LS960	Vũ Thị Thùy	16/10/1979	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
961	LS961	Nguyễn Thị Hạnh Thùy	18/04/1998	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
962	LS962	Vũ Xuân Thủy	03/02/1995	70,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
963	LS963	Đỗ Thị Thanh Thủy	13/03/1960	88,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
964	LS964	Lý Văn Thủy	02/11/2003	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
965	LS965	Trần Thanh Thủy	07/07/1996	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
966	LS966	Vũ Thanh Thủy	21/09/1989	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
967	LS967	Nguyễn Thị Thủy	20/02/1991	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
968	LS968	Nguyễn Thanh Thủy	30/07/1979	55,00	Không đạt	72,50	Đạt	Không đạt	
969	LS969	Ngô Thu Thủy	10/08/1987		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
970	LS970	Phạm Thị Thủy	15/10/1993	78,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
971	LS971	Phạm Thị Thanh Thủy	13/02/1988	82,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
972	LS972	Trịnh Xuân Tiến	09/07/1991	72,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
973	LS973	Lại Văn Tiến	20/09/1988	62,50	Không đạt	76,25	Đạt	Không đạt	
974	LS974	Trần Minh Tiến	18/09/1985		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
975	LS975	Nguyễn Xuân Tiến	12/09/1974	77,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
976	LS976	Lò Thị Tiết	20/05/1997	72,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
977	LS977	Trần Văn Tinh	20/08/1979	71,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
978	LS978	Lê Văn Tinh	23/07/1995	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
979	LS979	Phạm Văn Tinh	26/07/1991	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
980	LS980	Vũ Đình Tinh	20/10/1985	82,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
981	LS981	Nguyễn Thị Tinh	10/11/2004	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
982	LS982	Nguyễn Duy Tĩnh	23/07/1988	78,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
983	LS983	Trần Trán Tĩnh	23/06/1978	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
984	LS984	Vũ Khánh Toàn	16/07/1981	77,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
985	LS985	Phan Văn Toàn	27/12/1989	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
986	LS986	Trần Minh Toàn	10/06/1985	82,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
987	LS987	Nguyễn Văn Toàn	15/04/1989	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
988	LS988	Huỳnh Dương Toàn	04/12/2002	75,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
989	LS989	Đinh Thị Trà	12/08/1992	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
990	LS990	Nguyễn Thị Thu Trà	31/08/1984	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
991	LS991	Bùi Thị Trâm	16/01/1987	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
992	LS992	Nguyễn Thị Hương Trâm	12/09/1986	78,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
993	LS993	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/07/2004	77,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
994	LS994	Nguyễn Thị Thu Trang	11/04/2002	76,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
995	LS995	Trần Thị Huyền Trang	23/07/1993	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
996	LS996	Đặng Dương Thị Huyền Trang	20/09/1998	81,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
997	LS997	Nguyễn Thị Huyền Trang	20/08/1987	87,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
998	LS998	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/07/1987	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
999	LS999	Lê Thị Trang	27/09/1999	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1000	LS1000	Phùng Thị Trang	18/01/1995	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1001	LS1001	Nguyễn Thị Thủy Trang	02/07/1991	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1002	LS1002	Nghiêm Huyền Trang	27/09/1993	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1003	LS1003	Nguyễn Thị Trang	20/12/1995	82,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1004	LS1004	Nguyễn Thị Thùy Trang	04/06/2006	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1005	LS1005	Quách Thảo Trang	12/06/2001	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1006	LS1006	Hoàng Thị Trang	29/07/1988	70,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1007	LS1007	Nguyễn Thu Trang	04/09/2002	81,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1008	LS1008	Nguyễn Thị Huyền Trang	02/11/2001	80,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1009	LS1009	Phan Thu Trang	24/11/1994		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1010	LS1010	Nguyễn Thị Thùy Trang	17/08/1994	81,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1011	LS1011	Khuất Thị Quỳnh Trang	30/07/1988	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1012	LS1012	Đoàn Thu Trang	28/10/1995	83,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1013	LS1013	Đỗ Phương Trang	05/04/2004	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1014	LS1014	Vũ Thu Trang	29/03/2006	81,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1015	LS1015	Nguyễn Thị Mai Trang	22/02/1988	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1016	LS1016	Nguyễn Thị Trang	22/06/1988	83,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1017	LS1017	Nguyễn Kiều Trang	02/04/1991	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1018	LS1018	Đỗ Quỳnh Trang	16/12/1996	85,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1019	LS1019	Vũ Thu Trang	26/11/1989	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1020	LS1020	Nguyễn Thị Thu Trang	05/09/1991	85,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1021	LS1021	Tổng Thị Trang	28/11/1990	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1022	LS1022	Vũ Anh Trí	12/02/1981	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1023	LS1023	Nguyễn Hữu Trí	28/12/1998	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1024	LS1024	Nguyễn Văn Triển	25/08/1996	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1025	LS1025	Phạm Ngọc Trinh	07/01/1995	88,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1026	LS1026	Phan Thị Thục Trinh	15/09/1997	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1027	LS1027	Hoàng Đức Trinh	22/07/1992	77,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1028	LS1028	Nguyễn Thị Ánh Trúc	10/12/1980	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1029	LS1029	Quách Huy Trung	01/01/1994	85,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1030	LS1030	Trần Quốc Trung	01/04/2001	86,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1031	LS1031	Phạm Tiến Trung	21/12/1989	75,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1032	LS1032	Dương Trí Trung	08/05/1994	85,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1033	LS1033	Hoàng Văn Trung	09/04/1993	70,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
1034	LS1034	Mai Quốc Trung	13/11/2001	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1035	LS1035	Đỗ Xuân Trường	12/09/1987	73,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1036	LS1036	Nguyễn Quang Trường	01/04/1986	88,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1037	LS1037	Nguyễn Trọng Trường	22/10/1970	77,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1038	LS1038	Nguyễn Văn Trường	04/05/1995	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1039	LS1039	Bùi Văn Trường	07/02/1985	83,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1040	LS1040	Nguyễn Đức Trường	01/12/1985	82,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1041	LS1041	Trịnh Văn Trường	02/05/1989	85,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1042	LS1042	Nguyễn Văn Trường	12/07/1997	87,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1043	LS1043	Phạm Quang Trường	16/12/2003	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1044	LS1044	Nguyễn Đức Trường	26/03/1984	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1045	LS1045	Nguyễn Văn Tú	19/03/1993	72,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1046	LS1046	Lê Văn Tú	18/03/1997	82,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1047	LS1047	Nguyễn Anh Tú	04/10/1991	92,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1048	LS1048	Phạm Ngọc Tú	07/06/1993	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1049	LS1049	Nguyễn Thị Tú	10/10/1986	67,50	Không đạt	91,25	Đạt	Không đạt	
1050	LS1050	Đỗ Ngọc Tú	29/09/1992	85,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1051	LS1051	Đỗ Vũ Thanh Tú	14/08/1975	72,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1052	LS1052	Nguyễn Quý Tú	07/09/1997	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1053	LS1053	Đỗ Hữu Tú	07/07/1993	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1054	LS1054	Trần Anh Tú	11/08/1994	78,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1055	LS1055	Lê Thị Tư	30/11/1988	86,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1056	LS1056	Nguyễn Văn Tư	16/10/1992	87,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1057	LS1057	Nguyễn Văn Tư	04/09/1984	87,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1058	LS1058	Dương Hữu Tuấn	22/01/1988	85,00	Đạt	73,75	Đạt	Đạt	
1059	LS1059	Đào Thành Tuấn	02/04/2000	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1060	LS1060	Lương Văn Tuấn	05/08/1992	80,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1061	LS1061	Bùi Minh Tuấn	24/04/1993	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1062	LS1062	Đặng Anh Tuấn	16/07/2000	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1063	LS1063	Nguyễn Anh Tuấn	25/11/1983	88,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1064	LS1064	Phạm Đình Tuấn	30/03/1992	82,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1065	LS1065	Lê Anh Tuấn	17/06/1998		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1066	LS1066	Phạm Anh Tuấn	23/04/1983	86,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1067	LS1067	Nguyễn Khắc Tuấn	07/07/2000	90,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1068	LS1068	Phạm Anh Tuấn	08/06/1995	87,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1069	LS1069	Triệu Duy Tuấn	12/02/1986	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1070	LS1070	Trần Minh Tuấn	09/10/1997	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1071	LS1071	Trần Quốc Tuấn	15/04/2002	87,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1072	LS1072	Nguyễn Anh Tuấn	12/10/1988	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1073	LS1073	Đỗ Văn Tuấn	07/05/1981	72,50	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
1074	LS1074	Vũ Minh Tuấn	27/06/1996	83,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1075	LS1075	Nguyễn Như Tuấn	12/01/1983	78,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1076	LS1076	Nguyễn Quốc Tuấn	03/06/2002	85,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1077	LS1077	Khúc Anh Tuấn	12/01/1984	85,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1078	LS1078	Nguyễn Ngọc Tuấn	12/12/1996	82,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1079	LS1079	Lê Ngọc Tuấn	04/11/1986	78,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1080	LS1080	Võ Anh Tuấn	18/04/2007	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1081	LS1081	Đinh Văn Tuấn	10/06/1991	82,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1082	LS1082	Đỗ Văn Tuất	09/07/1994	87,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1083	LS1083	Nguyễn Mạnh Tùng	28/06/1988	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1084	LS1084	Bùi Thanh Tùng	21/10/1984	78,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1085	LS1085	Nguyễn Mạnh Tùng	15/08/1990	80,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1086	LS1086	Phạm Đăng Tùng	20/11/1993	77,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1087	LS1087	Nguyễn Đức Tùng	31/08/1999	88,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1088	LS1088	Nguyễn Quang Tùng	01/09/2000	77,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1089	LS1089	Trần Khánh Tùng	28/03/1987	80,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1090	LS1090	Nguyễn Văn Tùng	30/11/1992	80,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1091	LS1091	Lê Văn Tùng	27/07/1995	78,75	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
1092	LS1092	Nguyễn Sơn Tùng	14/10/1989	86,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1093	LS1093	Nguyễn Viết Tường	22/06/1991	87,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1094	LS1094	Hoàng Văn Tuyên	22/03/1993	80,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1095	LS1095	Trần Văn Tuyên	04/07/1978	71,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1096	LS1096	Nguyễn Xuân Tuyên	15/06/1985	87,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1097	LS1097	Đỗ Minh Tuyên	20/03/1985	85,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1098	LS1098	Nguyễn Thị Kim Tuyên	16/04/1990	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1099	LS1099	Trần Ngọc Tuyên	20/08/1988	77,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1100	LS1100	Võ Thị Ánh Tuyết	05/02/1986	87,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1101	LS1101	Nguyễn Thị Tuyết	14/09/1986	80,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1102	LS1102	Nguyễn Thị Tuyết	08/06/1988	83,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1103	LS1103	Trịnh Thục Uyên	15/09/2005		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1104	LS1104	Nguyễn Thị Tô Uyên	02/05/1991	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1105	LS1105	Mã Thị Uyên	11/03/1980	70,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1106	LS1106	Nguyễn Thị Phương Uyên	16/11/2003		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1107	LS1107	Nguyễn Thị Vân	06/09/1987	87,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1108	LS1108	Nguyễn Vũ Hoàng Vân	06/09/2000	85,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1109	LS1109	Nguyễn Thanh Vân	18/04/1987	72,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1110	LS1110	Nguyễn Thị Tổ Vân	27/10/2001	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1111	LS1111	Nguyễn Thị Vân	23/03/1988	72,50	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
1112	LS1112	Trần Thanh Vân	16/02/1981	75,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1113	LS1113	Nguyễn Cẩm Vân	13/08/1992	76,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1114	LS1114	Nguyễn Thế Văn	21/10/1990	76,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1115	LS1115	Ngô Bá Văn	16/10/1985	72,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1116	LS1116	Phạm Thế Vị	18/05/1985	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1117	LS1117	Vũ Công Viên	06/07/1995	82,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1118	LS1118	Đặng Quốc Việt	31/05/1987	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1119	LS1119	Văn Đức Việt	13/08/1992	86,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1120	LS1120	Nguyễn Thị Vinh	25/02/1978	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1121	LS1121	Nguyễn Xuân Vinh	14/07/1998	91,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1122	LS1122	Vũ Ngọc Vinh	19/12/1991	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1123	LS1123	Phạm Thế Vinh	21/09/1985	90,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1124	LS1124	Cao Ngọc Vũ	30/09/1996	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1125	LS1125	Lê Thị Vui	14/09/1992	87,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1126	LS1126	Vương Thị Vui	08/06/1987	85,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1127	LS1127	Đỗ Thị Vui	16/12/1998	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1128	LS1128	Nguyễn Đình Vương	09/02/1989	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1129	LS1129	Phan Anh Vương	24/03/1981	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1130	LS1130	Đặng Thuý Vy	18/04/1998	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1131	LS1131	Lê Thị Xiêm	18/01/1982	81,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1132	LS1132	Nguyễn Thị Xinh	12/01/1998	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1133	LS1133	Nguyễn Thị Xoài	18/06/1992	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1134	LS1134	Nguyễn Thị Xoan	01/04/1983	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1135	LS1135	Lương Anh Xuân	23/02/1994	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1136	LS1136	Bùi Thanh Xuân	04/11/1993	76,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1137	LS1137	Trần Thị Xuân	19/01/1990	77,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1138	LS1138	Đặng Thị Xuân	17/12/1993	78,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1139	LS1139	Nguyễn Thị Xuân	10/02/1987	76,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1140	LS1140	Nguyễn Thị Minh Xuân	08/08/1989	70,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1141	LS1141	Nguyễn Thị Xuân	01/09/1990	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1142	LS1142	Phạm Thị Thanh Xuân	21/01/1998	70,00	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
1143	LS1143	Nguyễn Thị Xuyến	05/09/1986	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1144	LS1144	Vũ Thị Xuyến	20/02/1994	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1145	LS1145	Nguyễn Thị Song Yên	20/06/1983	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1146	LS1146	Hà Hải Yến	07/04/1997	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1147	LS1147	Hồ Thị Hải Yến	14/09/1995	82,50	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
1148	LS1148	Đinh Thị Yến	24/05/1992	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1149	LS1149	Đỗ Thị Yến	11/06/1988	75,00	Đạt	73,75	Đạt	Đạt	
1150	LS1150	Trần Thị Yến	25/02/1991	87,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1151	LS1151	Lê Thị Thu Yến	10/02/1987	81,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1152	LS1152	Nguyễn Thị Hải Yến	12/01/1993	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1153	LS1153	Nguyễn Thị Yến	10/08/1998	86,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1154	LS1154	Trần Thị Yến	01/11/1990	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1155	LS1155	Lưu Thị Yến	16/05/1993	92,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1156	LS1156	Phan Thị Yến	22/11/1991	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1157	LS1157	Nguyễn Thị Hải Yến	20/11/2002		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1158	LS1158	Nguyễn Hải Yến	14/04/1993	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1159	LS1159	Nguyễn Thị Yến	15/11/1982	86,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1160	LS1160	Đỗ Thị Yến	09/11/1986	87,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1161	LS1161	Nguyễn Thị Yến	15/11/1996	83,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1162	LS1162	Nguyễn Hồng Yêu	26/11/1996	86,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1163	LS1163	Đặng Thìn An	26/01/1979	98,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1164	LS1164	Lê Thị Thuý An	20/09/1989	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1165	LS1165	Lê Thị Thuý An	15/09/1991	95,00	Đạt	100,00	Đạt	Đạt	
1166	LS1166	Nguyễn Việt An	25/03/1989	97,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1167	LS1167	Nguyễn Thị Minh An	07/08/1976	91,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1168	LS1168	Vi Văn An	19/09/1993	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1169	LS1169	Đỗ Lâm Hoài An	08/12/1993	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1170	LS1170	Nguyễn Tuấn An	24/09/1989	92,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1171	LS1171	Trần Thị An	25/01/1994	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1172	LS1172	Nguyễn Việt Anh	25/08/1972	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1173	LS1173	Nguyễn Chí Tuấn Anh	08/09/2002	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1174	LS1174	Phạm Ngô Thế Anh	21/10/2003	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1175	LS1175	Nguyễn Trịnh Huy Anh	25/10/1997	96,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1176	LS1176	Ngô Hoàng Anh	16/07/1987	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1177	LS1177	Đào Quang Anh	23/09/2004	90,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1178	LS1178	Trần Thị Lan Anh	02/05/1995	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1179	LS1179	Nguyễn Thế Anh	20/12/1999	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1180	LS1180	Nguyễn Đức Tuấn Anh	23/12/2003	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1181	LS1181	Trần Phương Anh	18/09/2003	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1182	LS1182	Lê Thị Lan Anh	13/12/1996	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1183	LS1183	Vũ Hoàng Anh	03/07/1995	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1184	LS1184	Nguyễn Thị Ngọc Anh	26/12/1987	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1185	LS1185	Nguyễn Mai Anh	13/12/1996	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1186	LS1186	Nguyễn Thị Lan Anh	06/10/1994	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1187	LS1187	Phạm Thế Anh	07/11/2005	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1188	LS1188	Trần Tuấn Anh	12/06/1993	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1189	LS1189	Bùi Tuấn Anh	14/07/1995	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1190	LS1190	Nguyễn Thị Lan Anh	16/01/1998	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1191	LS1191	Bùi Việt Anh	18/08/1995	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1192	LS1192	Nguyễn Thị Vân Anh	12/03/1992	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1193	LS1193	Nguyễn Kỳ Anh	02/10/1993	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1194	LS1194	Trần Thị Nhật Anh	10/03/1996	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1195	LS1195	Nguyễn Lan Anh	28/08/1998	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1196	LS1196	Chu Tuấn Anh	19/06/2000	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1197	LS1197	Trần Thế Anh	17/11/1980	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1198	LS1198	Nguyễn Thị Hải Anh	16/07/1993	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1199	LS1199	Lê Hoàng Anh	24/08/1981	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1200	LS1200	Trần Trọng Ba	24/07/1987	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1201	LS1201	Lê Văn Ba	22/02/2000	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1202	LS1202	Đỗ Văn Bắc	28/02/1988	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1203	LS1203	Ngô Văn Bắc	11/09/1989	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1204	LS1204	Phan Văn Bách	07/02/1998	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1205	LS1205	Hà Ngọc Ban	04/10/1979	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1206	LS1206	Dương Thị Ban	24/03/2004	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1207	LS1207	Dương Văn Bằng	31/05/1993	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1208	LS1208	Phạm Thanh Bằng	25/10/1995	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1209	LS1209	Trần Thái Bảo	18/06/1995	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1210	LS1210	Hoàng Thị Bích	11/03/1987	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1211	LS1211	Đặng Thị Việt Bích	07/04/1984	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1212	LS1212	Nguyễn Giang Bích	02/09/1972		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1213	LS1213	Nguyễn Thị Bích	12/06/1994	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1214	LS1214	Nguyễn Hồng Biên	06/04/1991	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1215	LS1215	Nguyễn Quang Biển	18/04/1990	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1216	LS1216	Hoàng Thanh Bình	08/10/2000	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1217	LS1217	Hoàng Văn Bình	20/12/1989		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1218	LS1218	Phạm Thanh Bình	04/12/1984	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1219	LS1219	Nguyễn Duy Bình	15/02/1987	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1220	LS1220	Nguyễn Thị Bình	13/03/1995	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1221	LS1221	Trần Ngọc Bình	16/12/1988	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1222	LS1222	Trần Tuấn Bình	18/09/1984	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1223	LS1223	Dương Thái Bình	01/01/2001	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1224	LS1224	Trần Đức Bình	01/09/1981	57,50	Không đạt	70,00	Đạt	Không đạt	
1225	LS1225	Hà Duy Bình	12/9/1988	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1226	LS1226	Nguyễn Thị Bông	06/04/1992	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1227	LS1227	Nguyễn Văn Cam	25/11/1988	87,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1228	LS1228	Nguyễn Thị Cấn	01/11/1988	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1229	LS1229	Lê Văn Cấn	01/10/1982	97,50	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
1230	LS1230	Lưu Văn Cấn	09/03/1988	95,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1231	LS1231	Mai Thị Cảnh	04/08/1985	88,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1232	LS1232	Phạm Văn Cảnh	06/06/1990	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1233	LS1233	Nguyễn Vũ Cao	06/10/2003	88,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1234	LS1234	Phí Văn Cao	03/12/1989	97,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1235	LS1235	Tăng Thị Hồng Châm	18/11/1985	85,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1236	LS1236	Phạm Thị Châm	28/12/1988	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1237	LS1237	Nguyễn Thị Chang	13/07/1992	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1238	LS1238	Kiều Thị Chang	24/08/1998	79,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1239	LS1239	Trần Thị Bích Châu	17/11/1983	71,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1240	LS1240	Phạm Thị Linh Chi	14/10/2002	79,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1241	LS1241	Nguyễn Thị Chi	24/03/1994	76,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1242	LS1242	Đặng Liên Chi	18/07/1987	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1243	LS1243	Thần Seo Chỉ	16/08/1988	95,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1244	LS1244	Nguyễn Thị Chiên	01/06/1972	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1245	LS1245	Đào Văn Chiến	09/07/1988	95,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1246	LS1246	Phạm Hữu Chiến	13/08/1986	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1247	LS1247	Dương Văn Chiến	22/12/1885	96,25	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
1248	LS1248	Đoàn Văn Chiến	17/11/1990	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1249	LS1249	Nguyễn Thị Việt Chinh	19/09/1993	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1250	LS1250	Triệu Thị Thúy Chinh	14/11/1999	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1251	LS1251	Nguyễn Thị Chinh	23/04/1987	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1252	LS1252	Bùi Văn Chính	05/03/1979	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1253	LS1253	Tạ Quang Chính	18/08/1983	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1254	LS1254	Nguyễn Viết Chính	03/03/1988	95,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1255	LS1255	Phan Đình Chuẩn	25/11/1986	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1256	LS1256	Mễ Thanh Chúc	23/04/2007	96,25	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
1257	LS1257	Nguyễn Thị Chúc	18/03/1980	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1258	LS1258	Nguyễn Tiến Chúc	19/12/1989	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1259	LS1259	Diệp Văn Chung	10/03/1992	96,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1260	LS1260	Hoàng Bảo Chung	30/10/2000	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1261	LS1261	Nguyễn Văn Chung	14/10/1977	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1262	LS1262	Vũ Thị Diệp Chuyên	06/09/1985	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1263	LS1263	Nguyễn Văn Chuyên	17/05/1984	92,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1264	LS1264	Trần Thái Cơ	20/05/1983	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1265	LS1265	Nguyễn Khắc Cơ	22/06/1986	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1266	LS1266	Lưu Đình Côn	14/01/1988	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1267	LS1267	Phùng Văn Công	07/09/1986	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1268	LS1268	Lê Trương Công	07/02/1986	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1269	LS1269	Phạm Văn Công	25/07/1994	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1270	LS1270	Khổng Thị Thu Cúc	16/12/1986	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1271	LS1271	Tô Thị Cúc	06/02/1990	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1272	LS1272	Phạm Xuân Cường	21/05/1987	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1273	LS1273	Bùi Đình Cường	08/11/1985	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1274	LS1274	Phạm Việt Cường	02/02/1980	93,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1275	LS1275	Phạm Toàn Cường	29/04/1995	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1276	LS1276	Nguyễn Đình Cường	29/10/1987	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1277	LS1277	Đặng Khắc Cường	02/10/1988	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1278	LS1278	Ngô Thế Cường	05/02/1987	97,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1279	LS1279	Trần Mạnh Cường	20/05/1995	86,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1280	LS1280	Lê Huy Cường	12/08/1997	85,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1281	LS1281	Tổng Mạnh Cường	21/07/1991	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1282	LS1282	Đỗ Mạnh Cường	01/01/1982	95,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1283	LS1283	Bùi Tiến Cường	22/08/1993	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1284	LS1284	Phạm Hùng Cường	08/10/1978	93,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1285	LS1285	Nguyễn Văn Cường	04/09/1990	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1286	LS1286	Phạm Quốc Cường	07/05/1996	93,75	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1287	LS1287	Phạm Văn Đại	29/03/1983	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1288	LS1288	Nguyễn Trọng Đại	01/09/1993	90,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1289	LS1289	Vũ Đức Đại	16/09/1996	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1290	LS1290	Bùi Thế Đảm	12/06/1980	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1291	LS1291	Trịnh Đức Dân	06/01/1989	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1292	LS1292	Nguyễn Văn Dân	26/10/2002	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1293	LS1293	Phạm Thị Đào	02/09/1982	91,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1294	LS1294	Trương Thị Đào	19/04/1992	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1295	LS1295	Đỗ Thị Đào	17/07/2000	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1296	LS1296	Đinh Văn Đào	04/02/1990	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1297	LS1297	Phùng Trọng Đạo	03/11/1989	92,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1298	LS1298	Bùi Văn Đạt	10/10/1976	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1299	LS1299	Nguyễn Hữu Đạt	23/06/1984	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1300	LS1300	Đinh Công Đạt	11/11/1990	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1301	LS1301	Nguyễn Tuấn Đạt	04/08/2000	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1302	LS1302	Trần Huy Đạt	08/05/1991	96,25	Đạt	96,00	Đạt	Đạt	
1303	LS1303	Trần Quốc Đạt	07/10/1998	92,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1304	LS1304	Đỗ Thành Đạt	14/03/1996	97,35	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1305	LS1305	Nguyễn Thành Đạt	24/01/2001	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1306	LS1306	Nguyễn Tấn Đạt	26/05/1986	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1307	LS1307	Nguyễn Trọng Đạt	18/04/1992	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1308	LS1308	Trần Huy Đạt	20/07/1987	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1309	LS1309	Lương Thế Đạt	24/08/2001	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1310	LS1310	Bùi Quốc Đạt	01/01/1994		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1311	LS1311	Nguyễn Mạnh Đức	30/04/1987	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1312	LS1312	Nguyễn Thị Dẻo	01/11/1986	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1313	LS1313	Đỗ Văn Diên	11/11/1985	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1314	LS1314	Bùi Thị Diên	24/03/1985	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1315	LS1315	Đỗ Văn Diên	23/01/1990	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1316	LS1316	Trần Văn Điệp	01/09/1985	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1317	LS1317	Bùi Văn Điệp	09/09/1997	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1318	LS1318	Nguyễn Thị Dinh	11/03/1986	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1319	LS1319	Nguyễn Văn Định	23/04/1995	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1320	LS1320	Nguyễn Văn Đô	12/04/1996	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1321	LS1321	Nguyễn Thị Doan	10/03/1985	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1322	LS1322	Cao Công Đoàn	13/04/1984	85,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1323	LS1323	Vũ Văn Đông	02/03/2001	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1324	LS1324	Phạm Văn Đông	02/11/1978	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1325	LS1325	Nguyễn Văn Đồng	12/05/1960	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1326	LS1326	Phạm Văn Du	16/11/1978	78,75	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
1327	LS1327	Đỗ Minh Đức	02/08/2000	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1328	LS1328	Nguyễn Anh Đức	12/12/1985	92,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1329	LS1329	Nguyễn Anh Đức	05/02/1989		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1330	LS1330	Nguyễn Minh Đức	25/11/1984	91,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1331	LS1331	Trần Quý Đức	08/06/2002	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1332	LS1332	Trần Hữu Đức	02/01/1987	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1333	LS1333	Nguyễn Năng Đức	27/05/1994	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1334	LS1334	Ngô Duy Đức	26/04/1989	90,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1335	LS1335	Vũ Huy Đức	24/06/1988	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1336	LS1336	Nguyễn Văn Đức	01/01/2002	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1337	LS1337	Chu Minh Đức	12/01/1990	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1338	LS1338	Nguyễn Văn Đức	15/03/1997	93,75	Đạt	95,50	Đạt	Đạt	
1339	LS1339	Lê Hùng Đức	16/11/1995	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1340	LS1340	Nguyễn Minh Đức	29/08/1985	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1341	LS1341	Nguyễn Văn Đức	04/10/1989	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1342	LS1342	Nguyễn Minh Đức	26/08/1990	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1343	LS1343	Phạm Thị Lê Dung	11/02/1993	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1344	LS1344	Ngô Bích Dung	03/11/2003	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1345	LS1345	Trần Thị Phương Dung	12/11/1983	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1346	LS1346	Nguyễn Thùy Dung	02/03/1985	95,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1347	LS1347	Lê Thị Dung	21/06/2001	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1348	LS1348	Trần Thị Kim Dung	19/01/1984		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1349	LS1349	Trần Kim Dung	10/04/1994	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1350	LS1350	Trần Thị Kim Dung	10/04/1991	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1351	LS1351	Hoàng Thị Dung	15/04/1989	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1352	LS1352	Nguyễn Thị Dung	30/05/1986	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1353	LS1353	Nguyễn Thị Thùy Dung	09/02/1985	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1354	LS1354	Trần Thị Thùy Dung	21/7/1990	90,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1355	LS1355	Phan Anh Dũng	30/03/1992	97,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1356	LS1356	Đỗ Quang Dũng	03/06/1991	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1357	LS1357	Nguyễn Văn Dũng	26/05/1996	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1358	LS1358	Nguyễn Văn Dũng	24/06/1990	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1359	LS1359	Nguyễn Tiến Dũng	20/03/2000	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1360	LS1360	Đào Anh Dũng	19/08/1983	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1361	LS1361	Nguyễn Văn Dũng	10/04/1990	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1362	LS1362	Nguyễn Tiến Dũng	18/08/1984		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1363	LS1363	Nguyễn Hữu Dũng	02/12/1980	82,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1364	LS1364	Bùi Tiến Dũng	21/10/2000	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1365	LS1365	Nghiêm Đức Dũng	17/03/1997	92,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1366	LS1366	Trần Mạnh Dũng	01/09/1977	92,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1367	LS1367	Tổng Quang Dũng	27/08/1982	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1368	LS1368	Dương Việt Dũng	15/08/1981	85,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1369	LS1369	Vũ Hữu Dũng	17/10/1985	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1370	LS1370	Đoàn Tuấn Dũng	19/09/1996	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1371	LS1371	Nguyễn Văn Tiến Dũng	05/02/2005	96,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1372	LS1372	Nguyễn Tiến Dũng	27/08/1974	88,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1373	LS1373	Nguyễn Mạnh Dũng	28/04/1990	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1374	LS1374	Nguyễn Trọng Dũng	15/12/1993	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1375	LS1375	Nguyễn Trung Dũng	17/04/1986	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1376	LS1376	Hoàng Thu Được	22/10/1991	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1377	LS1377	Đỗ Thị Thuý Dương	29/04/1990	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1378	LS1378	Phạm Tuấn Dương	03/07/1993	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1379	LS1379	Nguyễn Thái Dương	05/01/2002	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1380	LS1380	Đinh Văn Dương	02/02/1990	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1381	LS1381	Ngô Thùy Dương	23/11/1998	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1382	LS1382	Cần Văn Dương	18/10/1985	88,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1383	LS1383	Phạm Triều Dương	19/10/1982	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1384	LS1384	Nguyễn Ngọc Thuý Dương	09/02/1985	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1385	LS1385	Đặng Thị Thái Dương	16/06/1993	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1386	LS1386	Đinh Văn Đương	01/06/1992	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1387	LS1387	Nguyễn Đức Duy	20/07/1989	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1388	LS1388	Vũ Hữu Duy	01/12/1991	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1389	LS1389	Nguyễn Văn Duy	17/08/1990	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1390	LS1390	Nguyễn Thị Duyên	26/12/1989	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1391	LS1391	Đinh Thị Duyên	02/07/1984	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1392	LS1392	Vũ Thúy Duyên	17/07/1987	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1393	LS1393	Bùi Thị Duyên	10/12/1987	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1394	LS1394	Nguyễn Thị Duyên	21/04/1996	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1395	LS1395	Phan Thị Duyên	13/10/1992	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1396	LS1396	Nguyễn Thị Duyên	15/03/1993	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1397	LS1397	Phạm Thị Gấm	04/12/1991	92,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1398	LS1398	Nguyễn Hoàng Giang	12/12/1991	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1399	LS1399	Vũ Thị Thùy Giang	05/08/1996	91,25	Đạt	96,26	Đạt	Đạt	
1400	LS1400	Đặng Minh Giang	21/07/1995	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1401	LS1401	Bùi Hương Giang	01/11/2004	93,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1402	LS1402	Đỗ Thị Hồng Giang	10/11/1999	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1403	LS1403	Trần Khắc Giao	10/12/1989	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1404	LS1404	Nguyễn Thiết Giáp	07/06/1984	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1405	LS1405	Đỗ Thị Hà	25/05/1989	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1406	LS1406	Nguyễn Thu Hà	12/05/1991	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1407	LS1407	Nguyễn Thị Thu Hà	19/05/1984	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1408	LS1408	Trần Mạnh Hà	08/10/1984	92,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1409	LS1409	Nguyễn Thị Hà	23/11/1984	87,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1410	LS1410	Phạm Thu Hà	22/10/1985	88,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1411	LS1411	Nguyễn Thị Việt Hà	02/05/1981	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1412	LS1412	Trần Thu Hà	05/09/2000	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1413	LS1413	Lê Việt Hà	11/12/1995	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1414	LS1414	Chu Thị Thanh Hà	21/11/1983	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1415	LS1415	Đinh Mạnh Hà	18/08/1981	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1416	LS1416	Lam Thị Thu Hà	05/11/1993	91,25	Đạt	96,26	Đạt	Đạt	
1417	LS1417	Trần Thị Thu Hà	24/02/1994	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1418	LS1418	Phạm Thị Vân Hà	24/08/1996	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1419	LS1419	Nguyễn Thị Hà	12/09/1982	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1420	LS1420	Nịnh Thị Hà	21/05/2003	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1421	LS1421	Đỗ Ngân Hà	11/06/1994	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1422	LS1422	Nguyễn Anh Hà	05/01/1999	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1423	LS1423	Nguyễn Thị Hà	05/07/1981	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1424	LS1424	Vũ Văn Hà	18/02/1988	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1425	LS1425	Lâm Thị Ngân Hà	13/09/1985	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1426	LS1426	Hoàng Hồng Hà	05/09/1995	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1427	LS1427	Phan Thị Bích Hà	01/11/1983	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1428	LS1428	Phan Hải Hà	01/05/1991	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1429	LS1429	Nguyễn Ngọc Hai	20/07/1998	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1430	LS1430	Nguyễn Như Hai	07/09/2001	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1431	LS1431	Hà Vũ Hải	04/01/1984	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1432	LS1432	Bùi Văn Hải	20/11/1987	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1433	LS1433	Vũ Văn Hải	23/06/1984	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1434	LS1434	Nguyễn Văn Hải	26/08/1993	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1435	LS1435	Đoàn Vũ Hải	12/02/1984	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1436	LS1436	Đinh Ngọc Hải	20/06/1987	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1437	LS1437	Nguyễn Đình Hải	25/09/1997	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1438	LS1438	Lê Văn Hải	15/06/1994	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1439	LS1439	Phạm Nam Hải	10/06/1989	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1440	LS1440	Đinh Thanh Hải	05/04/1985	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1441	LS1441	Hoàng Việt Hải	08/06/1979	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1442	LS1442	Thái Thanh Hải	13/08/2001	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1443	LS1443	Đỗ Văn Hải	12/05/1984	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1444	LS1444	Nguyễn Thanh Hải	30/03/1986	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1445	LS1445	Đinh Thị Hằng	14/09/1987	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1446	LS1446	Vũ Thị Hằng	09/06/1997		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1447	LS1447	Nguyễn Thị Thuý Hằng	06/07/1984	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1448	LS1448	Dương Thị Hằng	20/12/1980	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1449	LS1449	Lê Thị Thu Hằng	21/06/1983		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1450	LS1450	Trịnh Thị Hằng	08/11/1984	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1451	LS1451	Trần Thị Hằng	22/08/1992	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1452	LS1452	Nguyễn Thị Hằng	23/03/1984	96,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1453	LS1453	Lê Văn Hằng	04/08/1993	97,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1454	LS1454	Trần Thị Hằng	14/02/1992	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1455	LS1455	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/07/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1456	LS1456	Nguyễn Thúy Hằng	09/03/2000	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1457	LS1457	Đàm Thị Hằng	25/09/1990	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1458	LS1458	Vũ Thị Thu Hằng	01/09/1993	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1459	LS1459	Hoàng Thị Thanh Hằng	09/10/1996	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1460	LS1460	Trần Thu Hằng	15/10/2002	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1461	LS1461	Nguyễn Thị Hằng	11/10/1991	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1462	LS1462	Hoàng Thị Mỹ Hằng	17/06/2001	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1463	LS1463	Nguyễn Thị Hằng	25/07/1993	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1464	LS1464	Vũ Thị Hằng	19/03/1988	91,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1465	LS1465	Lý Thị Hằng	21/06/1997	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1466	LS1466	Bùi Thị Hằng	02/12/1978	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1467	LS1467	Nguyễn Thị Hằng	22/08/2002	95,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1468	LS1468	Nguyễn Thị Hạnh	11/03/1989	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1469	LS1469	Lê Thị Bích Hạnh	01/02/1982	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1470	LS1470	Bùi Thị Hồng Hạnh	14/10/1993	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1471	LS1471	Lâm Thị Hạnh	10/09/1992	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1472	LS1472	Dương Thị Hạnh	15/10/1993	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1473	LS1473	Đỗ Văn Hạnh	13/10/1983	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1474	LS1474	Nguyễn Thị Hạnh	09/11/1992	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1475	LS1475	Uông Thị Hạnh	24/11/1988	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1476	LS1476	Hà Mỹ Hạnh	06/10/1992	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1477	LS1477	Lã Thị Mỹ Hạnh	28/03/1979	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1478	LS1478	Trần Như Hào	10/08/1984	96,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1479	LS1479	Lưu Thị Hồng Hào	13/12/2003	92,50	Đạt	92,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1480	LS1480	Lê Thị Hào	24/07/2002	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1481	LS1481	Lưu Thái Hậu	09/10/1983	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1482	LS1482	Nguyễn Thị Hoa Hậu	06/11/1988	87,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1483	LS1483	Vũ Văn Hậu	15/08/1990	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1484	LS1484	Ngô Tiến Hiến	30/11/1980	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1485	LS1485	Triệu Tồn Hiến	05/06/1992	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1486	LS1486	Nguyễn Thị Thu Hiến	16/11/1990	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1487	LS1487	Nguyễn Thị Thu Hiến	27/09/1990	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1488	LS1488	Bùi Thuý Hiến	10/09/2005	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1489	LS1489	Nguyễn Thị Hiến	02/02/1988	96,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1490	LS1490	Nguyễn Thị Thu Hiến	10/08/1991	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1491	LS1491	Nguyễn Minh Hiến	03/08/2001	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1492	LS1492	Lê Thị Hiến	03/05/1979	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1493	LS1493	Nguyễn Thị Hiến	05/09/1993	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1494	LS1494	Nguyễn Thị Thu Hiến	03/10/1980	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1495	LS1495	Trần Thanh Hiến	28/09/1984	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1496	LS1496	Trần Thị Thu Hiến	10/04/1991	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1497	LS1497	Lê Thị Phương Hiến	10/08/1984	97,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1498	LS1498	Nguyễn Thúy Hiến	12/04/2000	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1499	LS1499	Lê Thị Hiến	02/10/1980	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1500	LS1500	Nguyễn Duy Hiến	04/05/2003	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1501	LS1501	Bùi Đức Hiến	08/10/1984		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1502	LS1502	Khuất Huy Hiệp	29/06/1985	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1503	LS1503	Phạm Thị Hiệp	01/09/1984	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1504	LS1504	Nguyễn Văn Hiệp	03/12/1996	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1505	LS1505	Đặng Văn Hiệp	12/09/1993	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1506	LS1506	Tô Trọng Hiếu	06/07/1980	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1507	LS1507	Đinh Trọng Hiếu	01/11/1980	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1508	LS1508	Trần Trọng Hiếu	01/08/1987	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1509	LS1509	Phạm Chí Hiếu	16/03/1990	83,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1510	LS1510	Ngô Trung Hiếu	24/07/1991	85,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1511	LS1511	Trương Thị Hiếu	11/11/1987	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1512	LS1512	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	24/04/2002	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1513	LS1513	Phạm Văn Hiếu	01/06/1990	85,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1514	LS1514	Phí Thị Ngọc Hiếu	19/10/1997	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1515	LS1515	Nguyễn Thị Ánh Hoa	17/11/2002	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1516	LS1516	Nguyễn Thị Hoa	25/08/1983	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1517	LS1517	Nguyễn Thị Hoa	19/05/1989	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1518	LS1518	Dương Văn Hoa	14/08/1997	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1519	LS1519	Nguyễn Thị Kim Hoa	29/10/1967	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1520	LS1520	Hà Thị Mai Hoa	08/09/1998	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1521	LS1521	Đinh Thị Hoa	06/06/1988	91,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1522	LS1522	Vũ Thị Hoa	27/01/1989	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1523	LS1523	Phạm Thị Hoa	12/11/1992	98,75	Đạt	93,50	Đạt	Đạt	
1524	LS1524	Nguyễn Thị Hoa	22/06/1986	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1525	LS1525	Nguyễn Thị Hoa	29/08/1999	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1526	LS1526	Giang Thị Thanh Hoa	13/03/2001	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1527	LS1527	Lê Thị Hoa	30/04/2001	93,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1528	LS1528	Vũ Thị Thu Hoà	30/03/1990	96,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1529	LS1529	Nguyễn Thị Hoà	15/01/1991	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1530	LS1530	Nguyễn Văn Hoà	31/01/1989	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1531	LS1531	Phạm Thị Hòa	15/01/1991	100,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1532	LS1532	Nguyễn Thị Thanh Hòa	18/04/1990	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1533	LS1533	Nguyễn Thị Hòa	03/02/1997	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1534	LS1534	Lê Vũ Hòa	23/05/1984	96,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1535	LS1535	Nguyễn Thị Hòa	15/08/1984	95,00	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
1536	LS1536	Nguyễn Thị Thu Hoài	26/12/1974	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1537	LS1537	Vũ Thị Hoài	12/06/1999	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1538	LS1538	Nguyễn Thị Hoài	27/07/1994	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1539	LS1539	Phạm Văn Hoài	29/07/1980	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1540	LS1540	Trần Thị Hoàn	26/05/1994	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1541	LS1541	Nguyễn Thị Thanh Hoàn	17/01/1998	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1542	LS1542	Nguyễn Huy Hoàn	20/06/1989	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1543	LS1543	Vũ Quốc Hoàn	14/03/1985	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1544	LS1544	Bùi Huy Hoàng	25/07/1999	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1545	LS1545	Vũ Việt Hoàng	24/04/2000	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1546	LS1546	Đào Nguyễn Huy Hoàng	27/07/2003	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1547	LS1547	Đỗ Thị Hoat	11/05/1995	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1548	LS1548	Tạo Thị Thu Hồi	12/11/1996	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1549	LS1549	Trần Thị Phương Hồng	09/02/1997	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1550	LS1550	Lê Thị Hồng	01/09/1993	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1551	LS1551	Đỗ Thị Hồng	14/05/1996		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1552	LS1552	Nguyễn Thị Hồng	02/04/1984	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1553	LS1553	Trương Văn Huân	05/11/1981	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1554	LS1554	Nguyễn Thanh Huân	24/04/1992	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1555	LS1555	Nguyễn Văn Huân	08/09/1982	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1556	LS1556	Nguyễn Đình Huân	02/04/1987	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1557	LS1557	Bùi Thị Huê	16/09/1993	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1558	LS1558	Lê Thị Huê	19/05/2006	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1559	LS1559	Đặng Thị Huế	11/08/1993	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1560	LS1560	Phạm Thị Bích Huệ	13/11/2003	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1561	LS1561	Nguyễn Thị Huệ	10/02/1989	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1562	LS1562	Nông Thị Huệ	25/06/1985	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1563	LS1563	Lương Thị Huệ	20/07/1985	87,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1564	LS1564	Trần Phi Hùng	21/12/1994	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1565	LS1565	Phạm Thế Hùng	03/02/2001		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1566	LS1566	Nguyễn Quang Hùng	09/06/1985	96,26	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1567	LS1567	Nguyễn Xuân Hùng	16/01/1992	87,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1568	LS1568	Nguyễn Mạnh Hùng	18/03/1991	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1569	LS1569	Trần Văn Hùng	09/12/1985	88,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1570	LS1570	Lê Anh Hùng	13/05/1990	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1571	LS1571	Hoàng Đức Hùng	21/09/1993	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1572	LS1572	Bùi Hữu Hùng	09/08/1989	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1573	LS1573	Đoàn Mạnh Hùng	28/09/2003	90,00	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
1574	LS1574	Đỗ Mạnh Hùng	25/09/1996	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1575	LS1575	Trần Nhật Hùng	23/04/1992	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1576	LS1576	Lê Tiến Hùng	16/02/1997		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1577	LS1577	Cần Mạnh Hùng	17/09/1987	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1578	LS1578	Phạm Bá Hùng	26/04/2003	91,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1579	LS1579	Nguyễn Mạnh Hùng	02/09/1986	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1580	LS1580	Khuất Đăng Hùng	27/11/1996	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1581	LS1581	Nguyễn Minh Hưng	25/08/1991	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1582	LS1582	Bùi Mạnh Hưng	28/01/1996	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1583	LS1583	Trịnh Thị Hưng	10/04/1983	81,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1584	LS1584	Nguyễn Hoàng Hưng	26/07/1988	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1585	LS1585	Trương Đăng Trung Hưng	08/09/1993	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1586	LS1586	Đỗ Tiến Hưng	13/03/1984	85,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1587	LS1587	Nguyễn Tiến Hưng	16/2/1976	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1588	LS1588	Phạm Thị Hương	22/09/1989	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1589	LS1589	Nguyễn Thị Hương	22/12/1983	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1590	LS1590	Lưu Thanh Hương	23/01/1994	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1591	LS1591	Lê Thị Lan Hương	15/04/1995	87,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1592	LS1592	Đào Thị Hương	07/09/1990	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1593	LS1593	Vũ Thị Hương	26/10/1992	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1594	LS1594	Nguyễn Thanh Hương	25/12/1977	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1595	LS1595	Đặng Thị Hoài Hương	08/04/1984	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1596	LS1596	Trần Thị Thanh Hương	16/10/1990	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1597	LS1597	Lỗ Thị Hương	02/02/1995	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1598	LS1598	Nguyễn Thị Mai Hương	17/03/1989	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1599	LS1599	Trần Thị Hương	12/02/1992		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1600	LS1600	Hoàng Thị Thu Hương	31/03/1995	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1601	LS1601	Hà Thị Quỳnh Hương	02/09/2002	87,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1602	LS1602	Thân Thị Hường	12/07/1994	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1603	LS1603	Lê Thị Hường	21/08/1983	80,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1604	LS1604	Cao Thị Hường	26/04/1988	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1605	LS1605	Cao Thị Hường	06/05/1975	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1606	LS1606	La Xuân Hường	13/06/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1607	LS1607	Hoàng Quang Huy	05/02/1979	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1608	LS1608	Lê Minh Huy	15/03/1988	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1609	LS1609	Phạm Nhật Huy	23/07/1990	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1610	LS1610	Bùi Quang Huy	16/06/1995	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1611	LS1611	Diệp Văn Huy	15/06/1991	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1612	LS1612	Đinh Văn Huy	10/10/2000	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1613	LS1613	Nguyễn Quốc Huy	20/10/1997	95,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1614	LS1614	Nguyễn Văn Huy	30/08/1993		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1615	LS1615	Phạm Hữu Huy	25/01/1990	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1616	LS1616	Nguyễn Ngọc Huy	30/01/1996	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1617	LS1617	Đoàn Quốc Huy	30/01/1991	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1618	LS1618	Vũ Tiến Huy	30/06/1984	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1619	LS1619	Đinh Quang Huy	21/02/1999	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1620	LS1620	Nguyễn Quang Huy	19/01/2002	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1621	LS1621	Nguyễn Ngọc Huy	13/04/1988	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1622	LS1622	Nguyễn Thị Huyền	06/09/1992	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1623	LS1623	Nguyễn Văn Huyền	15/12/1978	70,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1624	LS1624	Nguyễn Thị Huyền	06/11/1993	97,59	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1625	LS1625	Trần Thị Thu Huyền	01/10/1993	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1626	LS1626	Nguyễn Thị Thu Huyền	21/12/1983	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1627	LS1627	Phạm Thị Thanh Huyền	06/11/1999		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1628	LS1628	Nguyễn Thanh Huyền	05/07/1989	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1629	LS1629	Lê Thanh Huyền	20/08/1994	96,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1630	LS1630	Nguyễn Thị Thanh Huyền	13/10/1981	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1631	LS1631	Lê Thị Thanh Huyền	19/07/1991	83,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1632	LS1632	Nguyễn Thị Minh Huyền	05/11/1976	80,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1633	LS1633	Vương Thị Huyền	22/02/1981	82,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1634	LS1634	Lê Thị Thanh Huyền	15/01/1985	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1635	LS1635	Lê Thị Huyền	13/02/1990	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1636	LS1636	Nguyễn Thị Thanh Huyền	26/04/1991	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1637	LS1637	Đỗ Thị Ngọc Huyền	01/11/2000		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1638	LS1638	Khuất Thị Thanh Huyền	13/10/1989	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1639	LS1639	Tổng Thị Kha	16/07/1993	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1640	LS1640	Nguyễn Văn Kha	02/12/1987	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1641	LS1641	Lăng Văn Khải	05/05/1998	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1642	LS1642	Nguyễn Quang Khải	26/10/2001	87,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1643	LS1643	Trần Quang Khải	26/05/1987	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1644	LS1644	Lê Thị Khánh	02/02/1989	86,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1645	LS1645	Trần Quốc Khánh	23/06/1996	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1646	LS1646	Bùi Duy Khánh	12/10/1989	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1647	LS1647	Phan Duy Khánh	17/05/2001	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1648	LS1648	Nguyễn Văn Khiêm	06/01/1987	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1649	LS1649	Bùi Đình Khiêm	11/02/1995	90,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1650	LS1650	Lê Minh Khoa	17/10/1992	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1651	LS1651	Vũ Văn Khôi	11/03/1997	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1652	LS1652	Vũ Văn Khôi	01/04/1988	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1653	LS1653	Phạm Văn Khởi	19/01/1985	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1654	LS1654	Bùi Đức Khương	22/10/1980		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1655	LS1655	Ngô Văn Kiên	26/03/1980	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1656	LS1656	Mai Trung Kiên	22/08/1993	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1657	LS1657	Lê Trung Kiên	01/09/1990	92,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1658	LS1658	Nguyễn Hữu Kiên	05/05/1996	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1659	LS1659	Chu Văn Kiên	10/03/1987	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1660	LS1660	Nguyễn Trung Kiên	06/09/1993	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1661	LS1661	Cần Trung Kiên	23/07/1999	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1662	LS1662	Nguyễn Ngọc Kỳ	27/10/1995	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1663	LS1663	Phạm Xuân Kỳ	28/03/1987	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1664	LS1664	Đoàn Hồng Lam	18/06/1987		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1665	LS1665	Nguyễn Hồng Lam	10-06-1982	87,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1666	LS1666	Đinh Thị Thanh Lam	10/08/1992	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1667	LS1667	Phạm Ngọc Lâm	10/04/1979		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1668	LS1668	Lương Thị Lâm	15/02/1985	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1669	LS1669	Trần Quỳnh Lan	06/09/1976	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1670	LS1670	Trần Thị Lan	04/07/1999	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1671	LS1671	Hà Ngọc Lan	08/08/1979	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1672	LS1672	Lù Thị Lan	02/05/1995	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1673	LS1673	Nguyễn Thị Ngọc Lan	27/07/2000	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1674	LS1674	Lê Thị Lan	17/02/1996	78,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1675	LS1675	Nguyễn Ngọc Lan	08/11/1988	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1676	LS1676	Lê Thị Lan	23/05/1991	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1677	LS1677	Nguyễn Văn Lãng	01/05/1983	96,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1678	LS1678	Nguyễn Thị Nhật Lệ	14/11/1992	83,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1679	LS1679	Nguyễn Tiến Lịch	24/09/1993	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1680	LS1680	Trịnh Thị Lịch	22/12/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1681	LS1681	Đổng Đạo Lịch	14/10/1989	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1682	LS1682	Trần Thị Liên	12/01/1992	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1683	LS1683	Đỗ Thị Liên	13/07/1993	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1684	LS1684	Trần Thị Hồng Liên	17/03/1984	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1685	LS1685	Nguyễn Thị Thủy Linh	03/02/1988	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1686	LS1686	Đoàn Thùy Linh	18/08/1991	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1687	LS1687	Vũ Tú Linh	18/10/1994	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1688	LS1688	Trần Thị Linh	14/11/1989	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1689	LS1689	Phí Thị Thủy Linh	12/10/2005		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1690	LS1690	Chu Diệu Linh	15/02/1993	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1691	LS1691	Bùi Cẩm Linh	19/12/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1692	LS1692	Nguyễn Thủy Linh	19/05/1991	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1693	LS1693	Đoàn Quang Linh	08/04/1983	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1694	LS1694	Lò Diệu Linh	11/07/2000	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1695	LS1695	Trương Hải Linh	26/10/1990	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1696	LS1696	Trương Yến Linh	02/07/1996	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1697	LS1697	Nguyễn Thị Hoài Linh	27/08/2000	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1698	LS1698	Lương Thị Thùy Linh	03/01/2002	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1699	LS1699	Nguyễn Quang Linh	21/08/1993	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1700	LS1700	Đỗ Thùy Linh	21/10/1997	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1701	LS1701	Nguyễn Hiền Linh	20/10/2002	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1702	LS1702	Đào Mạnh Linh	28/07/1997	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1703	LS1703	Hà Thị Linh	08/03/1998	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1704	LS1704	Vũ Thị Linh	21/11/1991	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1705	LS1705	Lưu Bảo Linh	12/08/1988	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1706	LS1706	Bùi Khánh Linh	03/11/1999	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1707	LS1707	Trần Thị Khánh Linh	07/01/1985	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1708	LS1708	Phạm Thị Loan	04/04/1988	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1709	LS1709	Nguyễn Thị Loan	04/03/1994	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1710	LS1710	Lương Thị Loan	04/09/1998	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1711	LS1711	Y Loan	28/10/1996	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1712	LS1712	Nguyễn Thị Tổ Loan	01/01/1983	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1713	LS1713	Lê Xuân Lộc	19/10/1994	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1714	LS1714	Phạm Thúy Lộc	22/11/1983	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1715	LS1715	Phạm Thanh Long	12/05/1978	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1716	LS1716	Nguyễn Văn Long	20/04/1981	95,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1717	LS1717	Châu Đức Long	24/02/2000	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1718	LS1718	Nguyễn Hải Long	13/07/1992	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1719	LS1719	Nguyễn Kim Long	18/01/1989	93,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1720	LS1720	Trần Xuân Long	11/08/1988	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1721	LS1721	Chu Văn Long	06/06/1973	70,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1722	LS1722	Vũ Xuân Long	12/01/1997	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1723	LS1723	Lê Văn Long	13/09/1989	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1724	LS1724	Hà Mạnh Long	11/09/1990	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1725	LS1725	Lưu Thị Lựa	26/11/1986	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1726	LS1726	Lê Thành Luân	25/11/1987	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1727	LS1727	Nguyễn Quang Lực	07/08/1999	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1728	LS1728	Nguyễn Vân Luyện	28/02/1990	95,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1729	LS1729	Trần Thị Ly	05/04/1987	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1730	LS1730	Lê Thị Ly	10/08/1994	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1731	LS1731	Đinh Diệu Ly	05/07/1999	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1732	LS1732	Đinh Thị Hà Ly	19/02/1994	78,75	Đạt	85,75	Đạt	Đạt	
1733	LS1733	Lê Thị Lý	18/12/1996	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1734	LS1734	Đào Hương Mai	26/05/2000	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1735	LS1735	Hà Thị Mai	05/06/1995	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1736	LS1736	Nguyễn Thị Mai	14/03/1988	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1737	LS1737	Vũ Thị Thu Mai	01/03/1989	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1738	LS1738	Nguyễn Như Mai	14/04/1984	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1739	LS1739	Hoàng Thị Ngọc Mai	06/11/1988	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1740	LS1740	Vũ Thị Hồng Mai	15/05/1976	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1741	LS1741	Nguyễn Văn Mạnh	22/04/1998	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1742	LS1742	Nguyễn Văn Mạnh	12/12/1982	88,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1743	LS1743	Nguyễn Đức Mạnh	12/04/1996	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1744	LS1744	Nguyễn Khắc Mạnh	10/06/1984	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1745	LS1745	Nguyễn Đình Mạnh	08/11/1998	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1746	LS1746	Tô Xuân Mão	06/06/1981	86,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1747	LS1747	Nguyễn Thị Mát	06/03/1989	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1748	LS1748	Huang Chun Ming	19/12/1985		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1749	LS1749	Lê Thị Minh	22/08/1981	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1750	LS1750	Đoàn Thị Minh	27/11/1985	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1751	LS1751	Phùng Xuân Minh	13/12/1991	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1752	LS1752	Lương Ngọc Minh	16/12/1989	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1753	LS1753	Nguyễn Đức Minh	25/05/1992	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1754	LS1754	Nguyễn Văn Minh	20/05/1989	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1755	LS1755	Nguyễn Tấn Minh	30/07/1998	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1756	LS1756	Trịnh Xuân Minh	14/03/1990	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1757	LS1757	Nguyễn Thị Minh	11/07/1971	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1758	LS1758	Trần Hải Minh	15/6/1997	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1759	LS1759	Vũ Đỗ Minh	14/08/1992	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1760	LS1760	Đặng Thị Hồng Mơ	29/12/1996	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1761	LS1761	Phạm Thị Mừng	09/03/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1762	LS1762	Kiều Trà My	23/10/2005	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1763	LS1763	Lê Thị Na	18/04/1982	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1764	LS1764	Thành Vân Nam	09/05/1991	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1765	LS1765	Nguyễn Phương Nam	18/04/1998	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1766	LS1766	Nguyễn Trọng Nam	23/08/1994	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1767	LS1767	Phạm Lê Nam	27/07/1985	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1768	LS1768	Nguyễn Hoài Nam	25/02/2000	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1769	LS1769	Vũ Văn Nam	16/04/1982	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1770	LS1770	Ngô Xuân Nam	11/03/1983	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1771	LS1771	Nguyễn Văn Nam	23/10/2006	87,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1772	LS1772	Trần Phương Nam	01/01/1979	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1773	LS1773	Phan Tiến Nam	11/02/1991	100,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1774	LS1774	Cần Hoàng Nam	22/05/1999	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1775	LS1775	Đào Phương Nam	17/10/1982	100,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1776	LS1776	Thiều Phương Nam	24/12/1993	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1777	LS1777	Trần Văn Nền	05/08/1984	100,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1778	LS1778	Lưu Thị Nga	12/11/1978	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1779	LS1779	Nguyễn Thị Huyền Nga	06/12/1994	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1780	LS1780	Nguyễn Thị Nga	23/07/1981	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1781	LS1781	Nguyễn Thị Thanh Nga	06/12/2002	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1782	LS1782	Trịnh Thị Nga	26/07/1984	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1783	LS1783	Nguyễn Thị Thu Nga	28/06/1982	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1784	LS1784	Nguyễn Thị Nga	19/05/1993	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1785	LS1785	Đặng Phương Nga	05/12/1993	100,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1786	LS1786	Nông Thị Nga	28/10/1993	86,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1787	LS1787	Đặng Thị Thuý Nga	10/01/1993	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1788	LS1788	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	10/01/2007	88,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1789	LS1789	Lê Thị Thu Ngà	20/04/1975	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1790	LS1790	Hoàng Thị Ngân	07/02/1992	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1791	LS1791	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/12/2004	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1792	LS1792	Nguyễn Thị Ngân	14/11/2002	96,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1793	LS1793	Đặng Thị Kim Ngân	05/04/1987	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1794	LS1794	Đỗ Thị Ngân	06/11/1996	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1795	LS1795	Phạm Thị Ngần	05/02/1985	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1796	LS1796	Nguyễn Thị Hồng Ngát	22/11/2000	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1797	LS1797	Đinh Thanh Nghị	06/12/1991	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1798	LS1798	Bùi Trọng Nghĩa	01/08/2005	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1799	LS1799	Vũ Tuấn Nghĩa	09/10/1994	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1800	LS1800	Tạ Văn Nghinh	01/05/1983	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1801	LS1801	Trần Thị Ngoan	20/01/1993	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1802	LS1802	Phạm Đặng Ngọc	30/10/1989	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1803	LS1803	Nguyễn Thị Ngọc	21/11/1990	100,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1804	LS1804	Nguyễn Duy Ngọc	16/01/1989	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1805	LS1805	Nguyễn Thị Ngọc	09/11/1992	91,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1806	LS1806	Mai Thị Yên Ngọc	23/07/1987	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1807	LS1807	Nguyễn Viêt Ngọc	18/12/1999	97,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1808	LS1808	Đặng Thị Ngọc	28/07/1985	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1809	LS1809	Phạm Thị Ngọc	22/11/1992	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1810	LS1810	Đào Thị Bích Ngọc	15/02/2003	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1811	LS1811	Vũ Thị Bích Ngọc	20/08/1987	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1812	LS1812	Phạm Thị Ngọc	16/01/1989	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1813	LS1813	Phùng Thị Bích Ngọc	09/09/1980	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1814	LS1814	Nguyễn Bảo Ngọc	15/11/1995	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1815	LS1815	Nguyễn Thái Ngọc	24/10/1981	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1816	LS1816	Nguyễn Thị Ngọc	21/07/1985	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1817	LS1817	Nguyễn Thị Xuân Nguyên	01/07/1990	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1818	LS1818	Nguyễn Công Nguyên	07/08/1993	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1819	LS1819	Hà Bích Nguyệt	14/07/1983	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1820	LS1820	Nguyễn Thị Bích Nguyệt	15/08/1988	87,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1821	LS1821	Bùi Thị Nhâm	02/05/1991	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1822	LS1822	Phùng Thị Nhân	01/03/1992	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1823	LS1823	Dương Thị Thanh Nhân	01/03/1999	97,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1824	LS1824	Nguyễn Thị Nhân	20/09/1985	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1825	LS1825	Nguyễn Văn Nhân	05/09/1990	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1826	LS1826	Trần Huy Nhật	07/07/1994	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1827	LS1827	Vũ Thị Tuyết Nhi	24/12/2004	95,00	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
1828	LS1828	Nguyễn Thị Linh Nhi	23/03/2001	87,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1829	LS1829	Đỗ Yến Nhi	22/02/2000	98,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1830	LS1830	Phạm Văn Nhuận	20/05/1993	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1831	LS1831	Đặng Thùy Nhung	17/07/1987	97,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1832	LS1832	Ngô Mai Nhung	25/06/1968	87,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1833	LS1833	Dương Thị Hồng Nhung	10/01/1995	98,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1834	LS1834	Nguyễn Thị Nhung	24/12/1986	91,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1835	LS1835	Đinh Thị Hồng Nhung	05/10/2004	93,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1836	LS1836	Phạm Thị Nhung	07/02/1992	88,75	Đạt	71,25	Đạt	Đạt	
1837	LS1837	Đỗ Thị Hồng Nhung	16/10/1986	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1838	LS1838	Phạm Thị Nhung	16/08/1987	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1839	LS1839	Nguyễn Thị Nhung	31/08/1998	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1840	LS1840	Vũ Thị Tuyết Nhung	14/12/1993	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1841	LS1841	Bùi Thị Nhung	17/11/1987	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1842	LS1842	Nguyễn Thị Nhung	11/06/1991	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1843	LS1843	Phạm Hồng Nhung	13/04/1994	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1844	LS1844	Phạm Thị Thủy Ninh	02/08/1992	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1845	LS1845	Nghiêm Thị Ninh	08/04/1988	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1846	LS1846	Hà Quang Ninh	19/11/1994	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1847	LS1847	Nguyễn Thị Nụ	10/02/2002	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1848	LS1848	Hoàng Đình Núi	02/11/1981	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1849	LS1849	Hà Mỹ Nương	23/11/1995	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1850	LS1850	Nguyễn Tú Oanh	27/10/1969	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1851	LS1851	Phan Thị Hoàng Oanh	10/10/1992	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1852	LS1852	Nguyễn Ngô Ngọc Oanh	01/08/2004	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1853	LS1853	Lưu Thị Mỹ Oanh	23/07/1990	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1854	LS1854	Dương Hiến Pháp	17/12/1989	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1855	LS1855	Trịnh Tấn Phát	26/09/2002		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1856	LS1856	Nguyễn Hữu Phong	20/09/1991	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1857	LS1857	Cao Duy Phong	09/08/1988	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1858	LS1858	Trần Văn Phong	19/05/1995	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1859	LS1859	Trần Đình Phú	19/10/1982	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1860	LS1860	Nguyễn Văn Phúc	10/10/1991	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1861	LS1861	Hoàng Tiến Phúc	20/06/1985		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1862	LS1862	Tô Lan Phương	30/08/2003	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1863	LS1863	Kiều Trí Phương	27/12/1990	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1864	LS1864	Trần Văn Phương	23/01/1986	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1865	LS1865	Hoàng Thị Phương	28/06/1991	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1866	LS1866	Vũ Thu Phương	23/01/1993	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1867	LS1867	Nguyễn Tiền Phương	13/09/1980	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1868	LS1868	Nguyễn Lê Duy Phương	03/11/2003	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1869	LS1869	Lê Thị Phương	03/04/1992	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1870	LS1870	Đào Thị Thu Phương	13/11/1988	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1871	LS1871	Phạm Thị Minh Phương	12/12/1993	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1872	LS1872	Hoàng Thị Phương	07/03/1993	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1873	LS1873	Nguyễn Thị Phương	21/05/1983	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1874	LS1874	Nguyễn Thu Phương	23/09/1995	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1875	LS1875	Nguyễn Hà Phương	06/11/2001	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1876	LS1876	Nguyễn Thị Hà Phương	19/03/2001	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1877	LS1877	Nguyễn Thị Phương	12/04/1997	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1878	LS1878	Vũ Đỗ Phương	20/07/1988	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1879	LS1879	Vũ Thị Phương	23/03/1989	88,75	Đạt	70,00	Đạt	Đạt	
1880	LS1880	Trần Thị Bích Phương	07/02/1989	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1881	LS1881	Phan Thu Phương	14/09/1994		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1882	LS1882	Nguyễn Thị Phương	16/10/1982	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1883	LS1883	Nguyễn Thị Phương	17/11/1986	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1884	LS1884	Phan Văn Phương	30/06/1979	87,50	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
1885	LS1885	Nguyễn Thị Phương	12/08/1986	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1886	LS1886	Trần Thị Phương	06/05/1987	93,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1887	LS1887	Hồ Thị Hoàn Phương	20/09/1991	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1888	LS1888	Nguyễn Kim Phương	22/12/1984	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1889	LS1889	Lương Hồng Quân	26/04/1987	100,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1890	LS1890	Đinh Hồng Quân	03/09/2000	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1891	LS1891	Đỗ Hồng Quân	23/11/1997	100,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1892	LS1892	Nguyễn Đình Quân	11/05/1982	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1893	LS1893	Đoàn Đăng Quang	29/10/1987	100,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1894	LS1894	Đỗ Huy Quang	12/10/1987	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1895	LS1895	Nguyễn Hồng Quang	18/09/1990	100,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1896	LS1896	Kiều Duy Quang	10/08/1988	93,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1897	LS1897	Phạm Minh Quang	21/08/1980	100,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1898	LS1898	Lại Văn Quang	30/08/1987	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1899	LS1899	Bùi Vinh Quang	03/01/1993	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1900	LS1900	Trần Ngọc Quang	15/10/1982	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1901	LS1901	Dur Văn Quang	13/07/1996	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1902	LS1902	Trần Vinh Quang	18/12/1984	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1903	LS1903	Chí Hà Quảng	28/10/1977	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1904	LS1904	Nguyễn Hữu Quảng	21/08/1968	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1905	LS1905	Trần Thị Quế	13/06/1988	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1906	LS1906	Lã Văn Quý	19/05/1983	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1907	LS1907	Đỗ Phú Quốc	21/01/1979	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1908	LS1908	Nguyễn Anh Quy	15/05/1982	73,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1909	LS1909	Nguyễn Đình Quý	24/09/1989	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1910	LS1910	Lương Thị Quý	26/03/1990	90,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1911	LS1911	Hoàng Xuân Quý	26/08/1993	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1912	LS1912	Trần Văn Quý	15/04/1986	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1913	LS1913	Phí Văn Quý	14/06/2005		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1914	LS1914	Nguyễn Thị Xuân Quý	26/01/1993	96,25	Đạt	100,00	Đạt	Đạt	
1915	LS1915	Nguyễn Công Quý	08/05/1995	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1916	LS1916	Vũ Thị Quyên	28/08/1994	80,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1917	LS1917	Trần Thị Quyên	22/02/1994	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1918	LS1918	Phạm Thị Bích Quyên	18/08/1981	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1919	LS1919	Bùi Hoàng Quyên	27/07/2004	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1920	LS1920	Mai Thị Quyên	04/04/1994	87,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1921	LS1921	Nguyễn Thị Ái Quyên	28/09/1992	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1922	LS1922	Nguyễn Tiến Quyển	21/01/1989	87,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1923	LS1923	Vũ Thị Kim Quyển	21/11/1984	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1924	LS1924	Phạm Văn Quyên	16/10/1986	81,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1925	LS1925	Nguyễn Cẩm Quyên	18/01/1982	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1926	LS1926	Ngô Văn Quyên	08/11/1992	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1927	LS1927	Khổng Xuân Quyết	09/05/2003	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1928	LS1928	Lê Minh Quyết	29/06/1989	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1929	LS1929	Bùi Thị Quynh	10/01/2003	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1930	LS1930	Đoàn Hữu Quỳnh	15/06/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1931	LS1931	Nguyễn Thị Quỳnh	16/12/1998	100,00	Đạt	100,00	Đạt	Đạt	
1932	LS1932	Nguyễn Như Quỳnh	01/01/2004	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1933	LS1933	Trần Thị Quỳnh	29/04/1993	100,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1934	LS1934	Nguyễn Thị Như Quỳnh	20/12/1984	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1935	LS1935	Phạm Ngọc Quỳnh	06/07/1996	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1936	LS1936	Tô Đức Quỳnh	18/07/1988	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1937	LS1937	Phạm Văn Sang	08/10/2005	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1938	LS1938	Mai Văn Sáng	17/10/1984	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1939	LS1939	Nguyễn Tiến Sáng	17/10/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1940	LS1940	Nguyễn Thị Sao	14/12/1994	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1941	LS1941	Vi Thị Ánh Sao	30/04/1987		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
1942	LS1942	Phạm Thị Hồng Sinh	26/11/1990	87,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1943	LS1943	Trịnh Văn Sinh	01/01/1982	78,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1944	LS1944	Đỗ Duy Sơn	16/03/1989	95,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1945	LS1945	Lê Văn Sơn	29/08/1989	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1946	LS1946	Đỗ Minh Sơn	14/10/1987	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1947	LS1947	Nguyễn Hải Sơn	02/09/1980	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1948	LS1948	Nguyễn Văn Sơn	01/08/1996	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1949	LS1949	Nguyễn Thái Sơn	30/09/1999	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1950	LS1950	Lê Ngọc Sơn	19/01/1991	87,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1951	LS1951	Nguyễn Đức Sơn	04/11/1985	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1952	LS1952	Trương Bá Sơn	17/10/2001	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1953	LS1953	Nguyễn Nam Sơn	23/06/1995	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1954	LS1954	Đinh Ngọc Sơn	17/05/1995	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1955	LS1955	Lê Văn Sơn	13/10/1975	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1956	LS1956	Bùi Văn Sơn	25/10/1985	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1957	LS1957	Nguyễn Quang Sơn	10/05/1992	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1958	LS1958	Mai Tiến Sơn	22/02/1991	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1959	LS1959	Nguyễn Lâm Sung	08/10/1993	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1960	LS1960	Nguyễn Thị Suốt	28/10/1992	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1961	LS1961	Hoàng Văn Sỹ	13/09/1999	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1962	LS1962	Trần Đức Tài	08/08/1987	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1963	LS1963	Trương Tiến Tài	15/11/1993	93,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1964	LS1964	Nguyễn Văn Tài	21/02/1987	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1965	LS1965	Vũ Đỗ Tài	17/12/1986	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1966	LS1966	Nguyễn Đức Tài	12/10/1995	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1967	LS1967	Lê Thị Thanh Tâm	24/08/1989	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1968	LS1968	Phạm Hữu Tâm	15/07/1989	100,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1969	LS1969	Lê Thị Tâm	18/07/2002	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1970	LS1970	Dương Minh Tâm	25/10/1991	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1971	LS1971	Nguyễn Thị Tâm	12/12/1997	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1972	LS1972	Lộc Thị Minh Tâm	17/11/1988	100,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1973	LS1973	Nguyễn Thị Tầm	25/12/1993	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1974	LS1974	Nguyễn Đức Tân	28/04/1980	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1975	LS1975	Nguyễn Đức Tân	15/08/1983	93,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1976	LS1976	Nguyễn Minh Tân	04/10/1992	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1977	LS1977	Hoàng Đình Tấn	07/06/1995	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1978	LS1978	Ngô Văn Tập	06/09/1994	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1979	LS1979	Nguyễn Huy Thái	06/09/1975	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1980	LS1980	Đỗ Danh Thái	17/07/1996	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1981	LS1981	Nguyễn Duy Thái	03/09/1984	93,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1982	LS1982	Bùi Quang Thái	26/12/2000	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1983	LS1983	Bùi Minh Thái	17/09/2004	100,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1984	LS1984	Phạm Duy Thái	28/10/1994	86,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1985	LS1985	Hoàng Văn Thái	15/07/1989	100,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1986	LS1986	Ngô Thị Hồng Thắm	04/09/1989	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1987	LS1987	Vũ Thị Thắm	05/06/1984	100,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1988	LS1988	Trần Hồng Thắm	24/12/1989	87,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1989	LS1989	Nguyễn Thị Thắm	16/8/1989	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1990	LS1990	Đỗ Văn Thân	10/05/1988	92,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1991	LS1991	Đặng Ngọc thắng	07/09/1989	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1992	LS1992	Nguyễn Đức Thắng	26/08/2002	78,75	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
1993	LS1993	Phạm Minh Thắng	09/02/2004	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1994	LS1994	Nguyễn Hữu Thắng	27/09/1989	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1995	LS1995	Cao Văn Thắng	01/11/1989	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1996	LS1996	Nguyễn Thị Thắng	23/01/1992	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1997	LS1997	Phan Chiền Thắng	14/11/1993	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1998	LS1998	Đặng Giang Thắng	08/10/1972	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1999	LS1999	Đỗ Minh Thắng	22/01/1987	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2000	LS2000	Đỗ Văn Thắng	06/04/1990	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2001	LS2001	Nguyễn Ngọc Thắng	13/09/1982		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
2002	LS2002	Trần Xuân Thanh	14/08/1981	76,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
2003	LS2003	Lê Thị Thanh	05/01/1990	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2004	LS2004	Hoàng Trọng Thanh	27/03/1983		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
2005	LS2005	Đỗ Thị Thanh	12/09/1983	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2006	LS2006	Trần Phương Thanh	14/08/1988	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2007	LS2007	Nguyễn Văn Thanh	12/07/2001	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2008	LS2008	Trịnh Thị Hồng Thanh	29/09/1987	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2009	LS2009	Nguyễn Thị Huyền Thanh	26/11/1990	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2010	LS2010	Nguyễn Thị Phương Thanh	10/05/1990	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2011	LS2011	Nguyễn Đức Thanh	03/12/1986	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
2012	LS2012	Nguyễn Hữu Thanh	14/07/1976	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2013	LS2013	Nguyễn Tiến Thành	06/04/1992	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2014	LS2014	Nguyễn Tiến Thành	26/07/1984	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2015	LS2015	Đặng Văn Thành	07/12/1993	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2016	LS2016	Dương Văn Thành	21/02/1989	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2017	LS2017	Phạm Minh Thành	05/03/1991	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2018	LS2018	Trần Văn Thành	30/10/1971	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2019	LS2019	Lê Tuấn Thành	28/12/2002	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2020	LS2020	Phạm Văn Thành	13/06/1988	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2021	LS2021	Nguyễn Đức Thành	16/10/1985	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2022	LS2022	Ngô Minh Thành	16/04/1979	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2023	LS2023	Vũ Tiến Thành	19/02/1994		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
2024	LS2024	Nguyễn Duy Thành	03/11/2003	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2025	LS2025	Bùi Thị Thành	10/12/1984		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
2026	LS2026	Phạm Thị Thao	14/11/1989	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2027	LS2027	Trần Xuân Thao	22/08/1993	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2028	LS2028	Trần Thị Phương Thảo	05/07/1986	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2029	LS2029	Đào Thị Thảo	22/01/1995	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2030	LS2030	Phan Thị Thảo	22/6/1989	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2031	LS2031	Nguyễn Thanh Thảo	22/02/1999	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2032	LS2032	Hà Thị Hương Thảo	30/06/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
2033	LS2033	Phạm Phương Thảo	20/12/1996	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2034	LS2034	Nguyễn Thị Thảo	22/09/1989	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2035	LS2035	Kiều Thị Thanh Thảo	20/09/1993	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2036	LS2036	Cao Thị Thảo	29/05/1988	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2037	LS2037	Nguyễn Thu Thảo	15/11/1987	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2038	LS2038	Tổng Thị Thảo	28/11/1996	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2039	LS2039	Đào Thị Thảo	08/10/1996	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2040	LS2040	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/05/1981	100,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
2041	LS2041	Vũ Thị Thanh Thảo	28/10/1983	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2042	LS2042	Nguyễn Thị Thảo	26/03/1991	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2043	LS2043	Trịnh Phương Thảo	29/05/2003	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2044	LS2044	Trần Thị Thu Thảo	18/08/1990	100,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
2045	LS2045	Nguyễn Thị Thanh Thảo	06/06/1994	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
2046	LS2046	Trần Thu Thảo	12/05/1989	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2047	LS2047	Nguyễn Thúy Thảo	02/04/1983	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2048	LS2048	Nguyễn Thị Thảo	21/03/1983	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2049	LS2049	Phạm Huy Thạo	22/04/1978	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
2050	LS2050	Nguyễn Thị Thêu	17/11/1991	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2051	LS2051	Nguyễn Hoàng Thiện	24/06/1994	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2052	LS2052	Nguyễn Đức Thiện	11/09/1984	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2053	LS2053	Nguyễn Thị Thiện	14/05/1988	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2054	LS2054	Đoàn Trọng Thiệu	21/05/1990	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2055	LS2055	Nguyễn Văn Thịnh	20/04/1993	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2056	LS2056	Đỗ Văn Thịnh	28/06/1991	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2057	LS2057	Nguyễn Văn Thịnh	16/02/1990	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2058	LS2058	Đoàn Phúc Thịnh	23/02/1994	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2059	LS2059	Nguyễn Văn Thịnh	04/10/1982	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2060	LS2060	Dương Đức Thịnh	09/02/1997	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2061	LS2061	Thái Doãn Thịnh	25/04/1995	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2062	LS2062	Phan Thị Thoa	14/12/1991	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2063	LS2063	Nguyễn Thị Thoát	01/12/1980	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
2064	LS2064	Lê Thị Thom	02/11/1992	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2065	LS2065	Phạm Thị Thu	07/08/1987	100,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
2066	LS2066	Hoàng Thị Thu	25/10/1987	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2067	LS2067	Phạm Thị Hoài Thu	25/08/1986	100,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
2068	LS2068	Nguyễn Thị Diệu Thu	25/10/1980	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2069	LS2069	Vũ Thị Minh Thu	28/08/1993	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2070	LS2070	Nguyễn Thị Thu	28/01/1996	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2071	LS2071	Nguyễn Thị Thu	13/08/1977		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
2072	LS2072	Phạm Trần Minh Thu	27/05/1989		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
2073	LS2073	Phạm Thị Thu	26/08/2000		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
2074	LS2074	Phạm Văn Thử	12/06/1977	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2075	LS2075	Lã Thị Thuận	20/05/1983	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2076	LS2076	Nguyễn Đình Thuận	15/08/1989	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2077	LS2077	Lâm Thị Thuận	24/10/1995	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2078	LS2078	Ngô Văn Thúc	25/02/1986	76,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2079	LS2079	Nguyễn Thị Thương	01/01/1987	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2080	LS2080	Đỗ Thị Thương	20/01/1996	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2081	LS2081	Phạm Thị Huyền Thương	30/11/1991	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2082	LS2082	Nguyễn Thương Thương	10/12/1989	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2083	LS2083	Nguyễn Thị Thương	26/06/1991	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2084	LS2084	Lê Thị Thương	19/05/1986	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2085	LS2085	Trần Thị Thường	12/02/1978	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
2086	LS2086	Phạm Văn Thường	13/09/1995	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2087	LS2087	Trần Hữu Thường	02/04/1998	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
2088	LS2088	Đào Thị Phương Thuý	10/04/1993	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2089	LS2089	Đinh Thị Thuý	21/12/1987	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2090	LS2090	Đông Thị Thuý	02/02/1984	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2091	LS2091	Nguyễn Thị Thanh Thuý	23/09/1999	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2092	LS2092	Tăng Thị Thuý	07/11/1995	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2093	LS2093	Nguyễn Thị Thủy	12/06/1985	96,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
2094	LS2094	Nguyễn Thu Thủy	02/06/1993	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2095	LS2095	Nguyễn Thị Thủy	02/05/1981	95,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
2096	LS2096	Nguyễn Tuấn Thủy	20/01/2001	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2097	LS2097	Đỗ Thị Thúy	10/07/1982	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2098	LS2098	Bùi Phương Thúy	10/05/1984	93,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
2099	LS2099	Nguyễn Thị Thúy	04/09/1988	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2100	LS2100	Lê Thị Thúy	16/03/1989	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2101	LS2101	Đinh Thị Phương Thúy	28/09/1985	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2102	LS2102	Ngô Thị Thúy	15/16/1994	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2103	LS2103	Lỗ Thị Thúy	12/8/1997	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2104	LS2104	Nguyễn Thị Thu Thùy	01/09/1992	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2105	LS2105	Chu Thị Thùy	27/08/1988	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2106	LS2106	Nguyễn Thị Thủy	27/08/1988	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2107	LS2107	Nguyễn Văn Thủy	02/02/1987	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2108	LS2108	Nguyễn Thị Thủy	14/08/1986	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2109	LS2109	Nguyễn Thị Thanh Thủy	01/12/1985	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2110	LS2110	Nguyễn Thị Thủy	17/07/1992	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
2111	LS2111	Nguyễn Thị Thủy	23/05/1992	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2112	LS2112	Đặng Văn Thủy	05/05/1990	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
2113	LS2113	Khoa Thị Thu Thủy	07/03/2003	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2114	LS2114	Nguyễn Thị Thanh Thủy	30/12/1991	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2115	LS2115	Nguyễn Thu Thủy	02/09/1996	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2116	LS2116	Ngô Thị Lê Thủy	09/02/1999	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2117	LS2117	Lục Thu Thủy	29/05/1983	83,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2118	LS2118	Nguyễn Hữu Thủy	12/2/1978	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2119	LS2119	Lê Thị Thuyên	10/01/1983	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2120	LS2120	Trần Vũ Thuyết	14/09/1991	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2121	LS2121	Lê Minh Tiến	11/12/2001	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2122	LS2122	Bùi Khắc Tiến	14/10/1984	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2123	LS2123	Trương Công Tiến	20/02/1997	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2124	LS2124	Đỗ Văn Tiến	23/03/1990	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2125	LS2125	Lê Quang Tiến	15/09/1989	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
2126	LS2126	Nguyễn Văn Tiến	27/01/1993	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2127	LS2127	Nguyễn Mạnh Tiến	19/03/1996	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2128	LS2128	Hoàng Đạt Tiến	12/06/1996	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
2129	LS2129	Đinh Công Tiến	08/02/1982	100,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
2130	LS2130	Nguyễn Thị Tĩnh	03/10/1988	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2131	LS2131	Nguyễn Văn Tĩnh	14/10/2002	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2132	LS2132	Nguyễn Duy Tĩnh	21/05/1986	93,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
2133	LS2133	Ngô Văn Toàn	01/07/1988	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2134	LS2134	Trần Văn Toàn	20/01/1988	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2135	LS2135	Nguyễn Như Toàn	14/10/1993	100,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
2136	LS2136	Phạm Công Toàn	19/11/1996	90,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2137	LS2137	Lê Văn Toàn	29/11/1993	98,75	Đạt	72,50	Đạt	Đạt	
2138	LS2138	Trịnh Đắc Toàn	07/11/1994	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2139	LS2139	Bùi Song Toàn	20/11/1997	87,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
2140	LS2140	Bùi Quốc Toàn	18/09/1995	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2141	LS2141	Trần Thị Tới	10/12/1958	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
2142	LS2142	Dương Thị Tới	26/01/1990	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2143	LS2143	Lại Hữu Tôn	12/10/1990	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2144	LS2144	Nguyễn Thị Thu Trà	13/01/1998	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
2145	LS2145	Lê Thị Trâm	22/03/1985	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
2146	LS2146	Nguyễn Thị Kiều Trang	09/05/1995	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2147	LS2147	Văn Thị Thu Trang	06/07/1986	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2148	LS2148	Trần Huyền Trang	21/05/1981	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2149	LS2149	Trần Thị Thu Trang	05/09/1994	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2150	LS2150	Nguyễn Minh Trang	11/05/1984	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2151	LS2151	Nguyễn Văn Trang	24/08/1993	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2152	LS2152	Lê Chin Trang	25/06/1991	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2153	LS2153	Bùi Thị Thu Trang	13/02/2003	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2154	LS2154	Nguyễn Thị Minh Trang	07/09/1988	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2155	LS2155	Nguyễn Thị Trang	01/04/1983	100,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
2156	LS2156	Cao Thị Mai Trang	09/03/1982	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2157	LS2157	Nguyễn Thùy Trang	09/10/1996	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2158	LS2158	Nguyễn Thị Cẩm Trang	07/09/1986	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2159	LS2159	Trần Quỳnh Trang	10/06/2006	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2160	LS2160	Phí Quỳnh Trang	07/09/1996	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2161	LS2161	Nguyễn Hà Trang	27/02/1998	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2162	LS2162	Phan Thị Huyền Trang	21/3/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2163	LS2163	Trần Thị Trang	15/10/1994	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
2164	LS2164	Nguyễn Thị Huyền Trang	17/08/2006	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2165	LS2165	Hà Thị Huyền Trang	21/03/2005	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2166	LS2166	Trần Ngọc Trang	13/11/1996	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2167	LS2167	Hà Huyền Trang	17/08/2001	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2168	LS2168	Trần Thị Thu Trang	28/10/1988	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2169	LS2169	Đặng Kiều Trang	10/01/1988	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2170	LS2170	Nguyễn Thị Trang	01/05/1987	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2171	LS2171	Nguyễn Thị Thu Trang	15/07/1984	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2172	LS2172	Lê Thị Huyền Trang	21/09/1986	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2173	LS2173	Phan Thị Quỳnh Trang	08/11/1990	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2174	LS2174	Lê Thị Thu Trang	15/05/1985	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2175	LS2175	Nguyễn Thị Trang	20/02/1993	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2176	LS2176	Đinh Thị Thu Trang	08/06/1994	92,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2177	LS2177	Lê Thị Kiều Trang	11/01/1986	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2178	LS2178	Nguyễn Thị Hồng Trang	28/04/1991	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2179	LS2179	Phạm Hùng Tráng	04/08/1977	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2180	LS2180	Hoàng Văn Trí	17/09/1996	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2181	LS2181	Công Xuân Trí	06/04/1996	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2182	LS2182	Nguyễn Văn Triển	03/11/1996	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2183	LS2183	Đỗ Thị Trinh	25/02/1980	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
2184	LS2184	Bùi Đức Trinh	14/08/1985	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2185	LS2185	Trịnh Văn Trọng	16/01/1990	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2186	LS2186	Vũ Minh Trọng	21/04/2001	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2187	LS2187	Thân Văn Trọng	19/09/1992	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2188	LS2188	Phạm Văn Trọng	11/10/1988	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2189	LS2189	Lương Thị Trọng	02/05/1982	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2190	LS2190	Vương Văn Trọng	23/04/1981	90,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
2191	LS2191	Nguyễn Quý Trọng	03/03/1983	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2192	LS2192	Đinh Huy Trúc	07/08/1996	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2193	LS2193	Nguyễn Thị Trúc	20/08/1991	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2194	LS2194	Nguyễn Trọng Trúc	08/03/1985	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2195	LS2195	Trần Anh Trung	03/11/1993	97,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
2196	LS2196	Nguyễn Thành Trung	14/10/1994	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2197	LS2197	Phạm Thành Trung	28/06/1979	98,75	Đạt	96,26	Đạt	Đạt	
2198	LS2198	Trần Đức Trung	14/10/1996	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2199	LS2199	Vũ Phạm Bảo Trung	05/05/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2200	LS2200	Vương Văn Trường	01/10/1995	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2201	LS2201	Trần Trọng Trường	22/11/1995	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
2202	LS2202	Đinh Văn Trường	28/08/2003	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
2203	LS2203	Trần Văn Trường	24/05/2002	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2204	LS2204	Lê Văn Trường	05/09/1995	100,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2205	LS2205	Đỗ Danh Trường	30/09/1990	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2206	LS2206	Cao Thị Minh Tú	30/05/1984	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2207	LS2207	An Trần Anh Tú	28/02/1996	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2208	LS2208	Nguyễn Anh Tú	01/08/1990	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2209	LS2209	Dương Tuấn Tú	10/10/1999	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2210	LS2210	Ngô Anh Tú	14/10/1981		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
2211	LS2211	Ngô Thị Cẩm Tú	26/11/1996	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2212	LS2212	Lê Anh Tú	20/03/1984	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2213	LS2213	Phạm Anh Tú	11/06/2003	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
2214	LS2214	Nguyễn Văn Tú	02/06/1984	98,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
2215	LS2215	Trần Ngọc Tú	02/07/1992	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2216	LS2216	Thân Văn Tuấn	20/01/1991	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2217	LS2217	Chữ Ngọc Tuấn	06/06/1972	85,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2218	LS2218	Đặng Văn Tuấn	27/11/1983	100,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2219	LS2219	Trần Văn Tuấn	26/02/1993	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2220	LS2220	Nguyễn Minh Tuấn	04/07/1993	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2221	LS2221	Nguyễn Văn Tuấn	22/08/1980	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2222	LS2222	Nguyễn Vũ Tuấn	03/09/1993	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2223	LS2223	Dương Văn Tuấn	26/09/1980	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2224	LS2224	Nghiêm Đình Tuấn	27/12/1987	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2225	LS2225	Lưu Quốc Tuấn	20/02/1985	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2226	LS2226	Hoàng Văn Tuấn	21/08/1986	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2227	LS2227	Đinh Quốc Tuấn	26/11/1999	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2228	LS2228	Đỗ Văn Tuấn	28/06/1985	98,75	Đạt	100,00	Đạt	Đạt	
2229	LS2229	Đào Văn Anh Tuấn	04/07/2004	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2230	LS2230	Nguyễn Trung Tuấn	22/02/1998	96,25	Đạt	100,00	Đạt	Đạt	
2231	LS2231	Vũ Anh Tuấn	19/06/1995	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2232	LS2232	Nguyễn Mạnh Tuấn	03/10/1993	98,75	Đạt	98,73	Đạt	Đạt	
2233	LS2233	Trần Mạnh Tuấn	21/01/2000	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2234	LS2234	Phạm Văn Tuấn	04/05/1990	100,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
2235	LS2235	Hoàng Văn Tuấn	22/11/1992	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2236	LS2236	Trần Văn Tuất	21/11/1994	100,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
2237	LS2237	Lê Thanh Tùng	15/12/1983	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2238	LS2238	Lê Xuân Tùng	31/10/1986	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2239	LS2239	Phạm Minh Tùng	23/06/1988	85,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
2240	LS2240	Phạm Đức Tùng	24/04/2000	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2241	LS2241	Phùng Thanh Tùng	23/11/1988	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
2242	LS2242	Nguyễn Mạnh Tùng	15/02/1988	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2243	LS2243	Trần Khánh Tùng	11/01/1982	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2244	LS2244	Ninh Tiến Tùng	10/04/1994	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2245	LS2245	Lê Duy Tùng	25/12/1991	85,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2246	LS2246	Đặng Sơn Tùng	04/01/2001	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2247	LS2247	Nguyễn Đình Tùng	02/10/1992	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2248	LS2248	Nguyễn Trọng Tùng	02/01/1987	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2249	LS2249	Nguyễn Khắc Tùng	10/06/1983	86,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2250	LS2250	Hoàng Tùng	02/06/1983	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2251	LS2251	Lê Văn Tùng	23/11/1991	78,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2252	LS2252	Ngô Thị Tươi	08/01/1991	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2253	LS2253	Đinh Văn Tương	06/06/1985	82,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2254	LS2254	Nguyễn Tiến Tường	17/06/1974		Không đạt		Không đạt	Không đạt	Vắng thi
2255	LS2255	Đào Duy Tuyên	20/06/1979	83,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2256	LS2256	Trịnh Thế Tuyên	17/09/1987	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2257	LS2257	Ngô Văn Tuyên	14/03/1983	83,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2258	LS2258	Trần Kim Tuyên	23/07/1987	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2259	LS2259	Vũ Quang Tuyên	27/04/1990	88,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2260	LS2260	Đoàn Thị Tuyết	25/04/1983	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2261	LS2261	Ngô Thanh Tuyết	06/05/1992	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2262	LS2262	Nguyễn Thị Tuyết	25/06/1991	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2263	LS2263	Nguyễn Ánh Tuyết	12/12/1988	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2264	LS2264	Nguyễn Tổ Uyên	24/03/1993	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2265	LS2265	Vũ Thị Kiều Vân	19/03/1979	87,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2266	LS2266	Nguyễn Thị Hồng Vân	23/04/1979	100,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2267	LS2267	Vũ Thị Vân	10/03/1991	90,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2268	LS2268	Trần Thị Vân	08/08/1997	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2269	LS2269	Đinh Thị Vân	02/06/1996	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2270	LS2270	Nguyễn Thị Vân	21/02/1989	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2271	LS2271	Trương Thị Vân	05/03/1999	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2272	LS2272	Ngô Thị Vân	05/08/1992	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2273	LS2273	Đỗ Thị Vân	16/09/1985	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2274	LS2274	Nguyễn Thị Vân	03/02/1980	87,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2275	LS2275	Vũ Thị Hồng Vân	17/12/1989	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2276	LS2276	Đỗ Công Văn	20/04/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2277	LS2277	Đỗ Quốc Văn	01/05/1994	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
2278	LS2278	Nguyễn Văn Vạn	11/01/1997	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2279	LS2279	Lường Văn Vệ	02/05/1990	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2280	LS2280	Nguyễn Hà Vi	31/07/1995	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2281	LS2281	Lê Văn Vĩ	10/01/1986	85,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2282	LS2282	Dương Đức Việt	01/10/1972	83,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2283	LS2283	Nguyễn Hoàng Việt	28/06/1985	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2284	LS2284	Nguyễn Quốc Việt	05/01/2003	96,26	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2285	LS2285	Trần Nhật Việt	11/09/1988	100,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2286	LS2286	Nguyễn Thế Việt	21/08/2006	91,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2287	LS2287	Đặng Tiến Việt	29/11/1989	98,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
2288	LS2288	Nguyễn Quốc Việt	5/12/1987	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2289	LS2289	Vũ Quang Vinh	25/09/1991	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2290	LS2290	Nguyễn Quang Vinh	20/02/1988	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2291	LS2291	Hoàng Văn Vũ	20/01/1987	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2292	LS2292	Nguyễn Long Vũ	04/04/2003	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2293	LS2293	Lê Văn Vũ	24/02/ 1986	95,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
2294	LS2294	Nguyễn Xuân Vụ	11/10/1989	96,26	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2295	LS2295	Đặng Thành Vụ	10/10/1985	87,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
2296	LS2296	Nguyễn Thị Vui	09/07/1979	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2297	LS2297	Nguyễn Đức Vương	07/08/1997	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2298	LS2298	Nguyễn Bá Vượng	14/12/1991	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2299	LS2299	Tô Văn Vượng	18/07/1987	100,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2300	LS2300	Ngô Thị Xoa	10/01/1984	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2301	LS2301	Ngô Thị Tân Xuân	07/02/1978	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2302	LS2302	Nguyễn Thị Xuân	22/08/1987	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2303	LS2303	Vũ Thanh Xuân	03/04/1978	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2304	LS2304	Nguyễn Thị Thanh Xuân	01/11/1979	70,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
2305	LS2305	Phạm Thị Xuân	30/08/1986	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2306	LS2306	Trần Văn Xuất	10/01/1986	88,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
2307	LS2307	Vũ Thị Xuyến	28/03/1984	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2308	LS2308	Giáp Thị Hải Yến	12/12/1992	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2309	LS2309	Trọng Bảo Yến	29/01/1996	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
2310	LS2310	Hoàng Thị Hải Yến	25/06/1989	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2311	LS2311	Hồ Thị Hải Yến	23/10/1973	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
2312	LS2312	Quan Hoàng Yến	21/08/1994	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
2313	LS2313	Vũ Thị Yến	31/01/1987	100,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
2314	LS2314	Phạm Thị Hải Yến	05/12/1974	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
2315	LS2315	Nguyễn Thị Yến	20/10/1988	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Phần kiến thức Cơ sở		Phần kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
				Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
2316	LS2316	Nguyễn Thị Hải Yến	16/02/1994	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
2317	LS2317	Bùi Minh Yến	06/02/1996	100,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
2318	LS2318	Vũ Thị Hải Yến	12/08/1987	81,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	